

Số: 319 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 04 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

SỞ CÔNG THƯƠNG ĐỒNG NAI	
Số:	606
Ngày:	05/02/2015
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về việc phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/09/2006 của Chính phủ về việc phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về việc phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 114/2009/NĐ-CP ngày 23/12/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2003/NĐ-CP ngày 14/01/2003 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ;

Căn cứ Quyết định số 3621/QĐ-BKHCN ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2013/NQ-HĐND ngày 18/9/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 - tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 149/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về mức hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 - 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 191/TTr-SCT ngày 21/01/2015 về việc đề nghị phê duyệt Quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025, với những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Quan điểm phát triển

a) Phát triển mạng lưới chợ một cách hợp lý, có trọng điểm, phù hợp với quy

hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và của các ngành kinh tế khác, phù hợp với quy mô dân số, tâm lý tập quán tiêu dùng và phát triển các yếu tố văn hóa, bản sắc dân tộc của từng địa phương. Đảm bảo các nguyên tắc tiêu chuẩn hóa, hiện đại hóa trong quy hoạch không gian và thiết kế chợ. Tăng cường công tác tổ chức, quản lý nhà nước đối với chợ trên địa bàn tỉnh.

b) Phát triển mạng lưới chợ vừa phải đảm bảo phát huy hết công năng phục vụ, thuận tiện cho việc đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của cư dân trong khu vực.

c) Phát triển mạng lưới chợ không chạy theo số lượng và quy mô chợ, mà tập trung vào nâng cao chất lượng dịch vụ và hiệu quả hoạt động của chợ.

d) Phát triển mạng lưới chợ dựa trên sự kết hợp hài hòa, chặt chẽ các nguồn lực của toàn xã hội với vai trò tổ chức và quản lý của nhà nước. Đẩy nhanh quá trình xã hội hóa trong đầu tư xây dựng chợ, đồng thời tăng cường hỗ trợ của nhà nước trong đầu tư phát triển hạ tầng chợ, đặc biệt chợ vùng nông thôn, miền núi.

đ) Thu hút các đối tượng tham gia kinh doanh trên chợ, mở rộng các loại hình dịch vụ, lĩnh vực, ngành hàng kinh doanh và tăng số đơn vị, số hộ kinh doanh trên chợ.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu tổng quát

Huy động tối đa các nguồn lực vào công tác đầu tư mới, nâng cấp, sửa chữa các chợ, đặc biệt là các chợ nông thôn, chợ vùng sâu, vùng xa, từng bước thay đổi diện mạo chợ trên địa bàn đáp ứng tốt nhu cầu mua bán hàng hóa của nhân dân thúc đẩy sản xuất, giảm dần chợ tạm, chợ tự phát.

b) Mục tiêu cụ thể

- Đến năm 2020

+ Về số lượng, quy mô quy hoạch phát triển mạng lưới chợ truyền thống: Phân đầu đến hết năm 2020, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sẽ có tổng số 204 chợ, với quy mô 11 chợ hạng 1, 32 chợ hạng 2 và 161 chợ hạng 3 (chưa tính 04 chợ đầu mối và các chợ đêm).

+ Tiến hành tổ chức xây dựng từ một đến hai chợ đầu mối tại thành phố Biên Hòa, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

+ Phân đầu 85% số chợ được xây dựng kiên cố và bán kiên cố.

+ Phân đầu 80% số chợ được công nhận chợ văn minh/văn hóa.

+ Phân đầu 95% số chợ đạt tiêu chuẩn về môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm; 50% số chợ có khu bán thực phẩm an toàn.

+ Tỷ lệ hàng nông sản, thực phẩm được tiêu thụ thông qua chợ chiếm khoảng 55 - 60%.

+ Phân đầu 100% xã có chợ được quy hoạch đạt chuẩn theo tiêu chí nông thôn mới.

+ Phân đầu 50% số chợ thực hiện theo mô hình doanh nghiệp, hợp tác xã quản lý, kinh doanh và khai thác chợ (thực hiện quyền khai thác chợ).

- Đến năm 2025

+ Về số lượng, quy mô quy hoạch phát triển mạng lưới chợ truyền thống: phân đầu đến hết năm 2025, trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sẽ có tổng số 195 chợ, với quy mô 11 chợ hạng 1, 32 chợ hạng 2 và 152 chợ hạng 3 (chưa tính 04 chợ đầu mối và các chợ đêm).

+ Các chợ tại trung tâm, huyện, thị, thành phố cơ bản đáp ứng yêu cầu văn minh thương mại, từng bước tương đương với các loại hình thương mại khác như siêu thị, trung tâm thương mại.

+ Xây dựng và đưa vào hoạt động 04 chợ đầu mối trên địa bàn tỉnh.

+ Phân đầu 90% số chợ được xây dựng kiên cố và bán kiên cố.

+ Phân đầu 95% số chợ được công nhận chợ văn minh/văn hóa trên tổng số chợ quy hoạch đang hoạt động.

+ Phân đầu 98% số chợ đạt tiêu chuẩn về môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm; 80% số chợ có khu bán thực phẩm an toàn.

+ Tỷ lệ hàng nông sản, thực phẩm được tiêu thụ thông qua chợ chiếm khoảng 65 - 70%.

+ Phân đầu 75% số chợ thực hiện theo mô hình doanh nghiệp, hợp tác xã quản lý, kinh doanh và khai thác chợ (thực hiện quyền khai thác chợ).

3. Định hướng phát triển mạng lưới chợ

a) Phát triển mạng lưới chợ

- Chợ dân sinh: Đối với khu vực thành thị, hạn chế xây mới chợ dân sinh bán lẻ tổng hợp, chuyển đổi dần các chợ nhỏ, không đủ tiêu chuẩn về diện tích sang các loại hình bán lẻ hiện đại. Cải tạo, nâng cấp các chợ dân sinh ở các phường, liên phường thành chợ chủ yếu bán nông sản, thực phẩm; xây mới chợ dân sinh ở khu vực ngoại thị. Đối với chợ dân sinh nông thôn thực hiện theo quy hoạch nông thôn mới của tỉnh, tuân thủ các tiêu chí của chợ nông thôn mới.

- Chợ hạng 1, hạng 2: Xây mới, nâng cấp, mở rộng, hoàn thiện các điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như hình thức tổ chức quản lý của các chợ quy mô lớn ở trung tâm thành phố, thị xã, trung tâm huyện, thị trấn là các trung tâm kinh tế của địa phương.

- Chợ đầu mối nông sản: Xây dựng hiện đại tại trung tâm thu hút và phát luồng hàng hóa của tỉnh, phát huy truyền thống và nâng cao năng lực buôn bán từ lâu đời của đội ngũ thương nhân, tăng cường khả năng lưu thông hàng hóa về quy mô và chủng loại hàng hóa trên chợ.

b) Xây dựng cơ sở vật chất

- Gắn đầu tư xây dựng chợ với việc thực hiện quy hoạch đô thị, quy hoạch dân cư và quy hoạch phát triển thương mại trên từng địa bàn cụ thể.

- Chú trọng việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất chợ như: Mở rộng mặt bằng chợ, xây dựng nhà lồng, nền chợ, đường nội bộ chợ, hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, thu gom rác thải,...

- Gắn quy mô đầu tư với khả năng khai thác các nguồn thu trên chợ ở tầm trung hạn và dài hạn.

c) Phát triển nguồn vốn đầu tư

- Khuyến khích thương nhân thuộc các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng vào các chợ. Khuyến khích các hộ kinh doanh tham gia góp vốn đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa chợ.

- Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện) hỗ trợ một phần cho việc đầu tư xây dựng hạ tầng chợ ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; chủ động lồng ghép việc xây dựng các chợ dân sinh với các dự án và chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác, vận dụng vào điều kiện cụ thể của địa phương để tạo dựng hạ tầng kỹ thuật chợ.

d) Bố trí không gian kiến trúc

- Đảm bảo sự thuận tiện cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng trong khu vực và có cấu trúc hợp lý, phù hợp với đặc điểm, chức năng, quy mô của từng loại chợ khác nhau.

- Đảm bảo sự phát triển đồng bộ, hài hoà với các công trình kiến trúc khác.

đ) Phát triển ngành hàng và lực lượng kinh doanh

- Đa dạng hoá lĩnh vực kinh doanh, ngành hàng kinh doanh trong các chợ theo đúng quy định hiện hành. Thực hiện việc sắp xếp các ngành hàng kinh doanh đảm bảo sự hợp lý, khoa học, mang lại hiệu quả cao.

- Đảm bảo thu hút được các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế vào chợ kinh doanh.

e) Tổ chức quản lý chợ

- Đánh giá, rút kinh nghiệm công tác đấu thầu kinh doanh, khai thác và quản lý chợ, từ đó hoàn thiện cơ chế, chính sách và bộ máy tổ chức quản lý chợ triển khai áp dụng thống nhất trên toàn tỉnh phù hợp với từng loại hình chợ cụ thể.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo và tuyển dụng những người trực tiếp tham gia quản lý, điều hành hoạt động chợ mang tính chuyên nghiệp, khoa học, mang lại hiệu quả cao.

4. Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ

a) Các quy định về kinh tế - kỹ thuật trong quy hoạch và thiết kế xây dựng chợ.

- Quy định về vị trí, địa điểm xây dựng chợ:

+ Đảm bảo các yêu cầu như: Phù hợp với quy hoạch chung đô thị tỉnh Đồng Nai, quy hoạch nông thôn mới, tập quán sinh hoạt, truyền thống văn hoá của từng địa phương, giao thông đi lại; hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đáp ứng yêu cầu hiện tại và khả năng mở rộng trong tương lai; đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường, thông tin liên lạc; không bố trí chợ gần trường học, bệnh viện hoặc những công trình có yêu cầu cách ly về tiếng ồn. Các hướng giao thông tiếp cận chợ phải được phối hợp với hệ thống giao thông đô thị, giao thông nông thôn, liên hệ thuận tiện với bến xe, bến tàu, đảm bảo lưu thông hàng hóa,...

+ Đối với chợ đầu mối được xây dựng mới ở vùng ngoại vi đô thị hoặc ngoài khu trung tâm xã: Đảm bảo thuận lợi về giao thông, lưu thông hàng hóa và gần vùng sản xuất hoặc vùng tiêu thụ tập trung để hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

- Quy định về chỉ tiêu xây dựng mới chợ:

+ Chợ xây dựng mới phải đảm bảo đầy đủ quy chuẩn xây dựng và tiêu chuẩn thiết kế theo quy định hiện hành.

+ Đối với chợ đầu mối nông sản, chợ đầu mối rau quả: Có diện tích đất tối thiểu là 15.000 m².

+ Đối với chợ hạng 1: Có diện tích đất lớn hơn hoặc bằng 10.000m².

+ Đối với chợ hạng 2: Có diện tích đất từ 5.000m² đến dưới 10.000m².

+ Đối với chợ hạng 3: Có diện tích đất từ 1.000m² đến dưới 5.000m².

b) Các quy định theo không gian kinh tế

- Tại các khu vực đô thị là trung tâm kinh tế - xã hội của tỉnh (thành phố Biên Hòa, thành phố mới Nhơn Trạch, thị xã Long Khánh, một số thị trấn) mạng lưới chợ được phát triển hợp lý, hài hoà với các loại hình thương mại khác, chú trọng nâng cấp và mở rộng các chợ bán buôn, bán lẻ quy mô lớn (hạng 1), có phạm vi ảnh hưởng rộng; cải thiện điều kiện cơ sở hạ tầng cho các chợ dân sinh ở các phường, xã; chuyển đổi các chợ không đủ tiêu chuẩn về diện tích mặt bằng thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị..., chuyển đổi một số chợ dân sinh thành các chợ chuyên doanh hàng nông sản thực phẩm.

- Tại các thị trấn, thị tứ: Chú trọng nâng cấp, cải tạo chợ trung tâm bán buôn, bán lẻ tổng hợp quy mô hạng 1 hoặc hạng 2.

- Tại khu vực nông thôn sẽ phát triển các chợ dân sinh quy mô nhỏ, phục vụ nhu cầu tiêu dùng hàng ngày của dân cư trên địa bàn và nhu cầu trao đổi, mua bán hàng nông sản thực phẩm của nông dân. Thực hiện kết hợp với chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020.

c) Tổng hợp số liệu quy hoạch mạng lưới chợ

- Số lượng chợ quy hoạch đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025: 204 chợ, trong đó: 11 chợ hạng 1, 32 chợ hạng 2 và 161 chợ hạng 3 (không kể chợ đầu mối và chợ đêm).

- Phân theo tính chất đầu tư: 88 chợ thực hiện xây dựng mới, 106 chợ thực hiện nâng cấp sửa chữa; 24 chợ thực hiện di dời và 40 chợ thực hiện giải tỏa, xóa hoặc chuyển đổi công năng (bao gồm 09 chợ tạm thời hoạt động đến năm 2020 tại thành phố Biên Hòa).

- Tổng diện tích đất quy hoạch chợ: 946.223 m²

- Tổng vốn đầu tư: 1.067.100 triệu đồng (kinh phí xây dựng mới các chợ và kinh phí để sửa chữa, nâng cấp, di dời các chợ hiện có, không bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng), trong đó:

+ Dự kiến vốn đầu tư giai đoạn 2015 - 2020 khoảng: 820.846 triệu đồng

+ Dự kiến vốn đầu tư giai đoạn 2021 - 2025 khoảng: 246.254 triệu đồng

- Dự kiến nguồn vốn đầu tư: 1.067.100 triệu đồng, trong đó:

+ Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ khoảng: 148.850 triệu đồng

Dự kiến vốn giai đoạn 2015 - 2020 khoảng: 114.500 triệu đồng

Dự kiến vốn giai đoạn 2021 - 2025 khoảng: 34.350 triệu đồng

- + Nguồn ngân sách huyện hỗ trợ khoảng: 66.170 triệu đồng
 - Dự kiến vốn giai đoạn 2015 - 2020 khoảng: 50.900 triệu đồng
 - Dự kiến vốn giai đoạn 2021 - 2025 khoảng: 15.270 triệu đồng
- + Nguồn huy động các thành phần khác (xã hội hóa): 852.080 triệu đồng
 - Dự kiến vốn giai đoạn 2015 - 2020 khoảng: 655.446 triệu đồng
 - Dự kiến vốn giai đoạn 2021 - 2025 khoảng: 196.634 triệu đồng
- d) Danh mục quy hoạch mạng lưới chợ, kèm theo bao gồm:
 - Danh sách chợ đang hoạt động theo quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến ngày 31/12/2014 (phụ lục I)
 - Danh sách chợ chưa tổ chức thực hiện theo quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến ngày 31/12/2014 (phụ lục II)
 - Danh sách chợ đêm đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến ngày 31/12/2014 (phụ lục III)
 - Danh sách chợ, tụ điểm kinh doanh tự phát thực hiện giải tỏa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (phụ lục IV)
 - Danh sách chợ thực hiện di dời, giải tỏa, xóa bỏ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 (phụ lục V)
 - Danh sách chợ bổ sung quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 (phụ lục VI)
 - Danh sách chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai hoạt động tạm thời đến năm 2020 (phụ lục VII)
 - Bảng tổng hợp quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 (phụ lục VIII)
 - Quy hoạch phát triển chợ đầu mối trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 (phụ lục IX)
 - Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 (phụ lục X)
 - Bản đồ thực trạng và quy hoạch mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.
- 5. Giải pháp phát triển mạng lưới chợ
 - a) Các giải pháp đẩy mạnh công tác đầu tư xây dựng chợ
 - rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các cơ chế, chính sách về đầu tư, xây dựng, quản lý kinh doanh khai thác chợ, thu và sử dụng phí chợ,... tạo sự thông thoáng, minh bạch, công khai trong công tác đầu tư xây dựng chợ, quản lý kinh doanh khai thác chợ.
 - Tập trung chỉ đạo xử lý các chợ, tụ điểm kinh doanh tự phát nhằm bảo đảm trật tự an toàn giao thông, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm và tạo điều kiện cho các chợ mới xây dựng hoạt động có hiệu quả.
 - Giải pháp đối với từng loại hình chợ cụ thể:
 - + Chợ dân sinh: Vốn đầu tư để cải tạo, di dời và xây mới các chợ dân sinh ở xã, cụm xã, có quy mô hạng 3, được huy động chủ yếu từ các nguồn: Hỗ trợ của ngân sách nhà nước, lồng ghép với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã

hội, vốn doanh nghiệp đầu tư kinh doanh chợ, vốn của các hộ kinh doanh trong chợ đóng góp và của các thành phần kinh tế khác.

+ Chợ bán buôn, bán lẻ tổng hợp hạng 1, hạng 2, chợ trung tâm của các huyện thị: Vốn để cải tạo, nâng cấp hoặc xây mới các chợ trung tâm của huyện, thị xã, thành phố với quy mô thuộc hạng 1 và 2 chủ yếu là vốn đầu tư của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế (kể cả hợp tác, liên doanh đầu tư với nước ngoài) và vốn của cá nhân và hộ kinh doanh (kinh doanh trong chợ hoặc kinh doanh trong các siêu thị, cửa hàng tiện lợi do chuyển hoá từ chợ mà thành).

+ Chợ đầu mối tổng hợp hoặc chuyên doanh bán buôn: Vốn đầu tư xây dựng các chợ đầu mối hoặc chợ chuyên doanh bán buôn chủ yếu là vốn đầu tư của các loại hình doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế (kể cả doanh nghiệp nước ngoài đầu tư hoặc liên doanh, hợp tác đầu tư), vốn góp hoặc tiền thuê địa điểm kinh doanh của thương nhân trong chợ. Ngân sách **nhà nước** chỉ hỗ trợ một phần cho việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đối với chợ **đầu mối** nông sản, thực phẩm.

+ Việc đầu tư xây dựng chợ nông thôn nói riêng và chợ trên địa bàn tỉnh nói chung, chủ yếu được đầu tư từ nguồn vốn xã hội hóa. Việc hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách chỉ được thực hiện đối với một số chợ nông thôn theo quy định về mức hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ nông thôn giai đoạn 2015 - 2020 do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành.

b) Các giải pháp thu hút thương nhân vào chợ kinh doanh

- Tổ chức triển khai quy định về mức thu, quản lý và sử dụng phí chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; hướng dẫn các đối tượng thực hiện và kiểm tra xử lý vi phạm việc thu, quản lý, sử dụng phí chợ đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật hiện hành. Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh mức thu mới khi có sự thay đổi của quy định pháp luật về phí chợ hoặc chỉ số giá tiêu dùng (CPI) biến động;

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động các hộ kinh doanh vào chợ hoạt động mua bán, hỗ trợ nhà đầu tư trong việc xây dựng phương án cho thuê điểm kinh doanh nhằm đảm bảo hài hòa quyền lợi giữa hộ kinh doanh với nhà đầu tư, tạo điều kiện cho hộ kinh doanh yên tâm mua, bán;

- Công khai phương án bố trí, sắp xếp ngành nghề kinh doanh, sử dụng điểm kinh doanh và khung giá cho thuê mặt bằng sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Thương nhân kinh doanh tại các chợ đầu mối nông sản, chợ mới xây dựng có thể được vay ưu đãi (lãi suất thấp hơn lãi suất trung bình của các ngân hàng thương mại cùng thời điểm) để đầu tư nâng cấp quây, sạp, mua dụng cụ đo lường hoặc tăng vốn lưu động mở rộng kinh doanh;

- Thương nhân có hợp đồng góp vốn ứng trước để đầu tư xây dựng chợ hoặc trả tiền sử dụng một lần trong một thời hạn nhất định sau khi chợ xây dựng xong được sử dụng điểm kinh doanh để thế chấp vay vốn kinh doanh tại ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật;

- Cơ quan Thuế của tỉnh khi giao chỉ tiêu thu thuế cho các chợ cần khảo sát, đánh giá kỹ tình hình thực tế và tham khảo ý kiến của Hội đồng tư vấn thuế ở từng chợ nhằm đưa ra mức thu phù hợp với doanh số bán của các hộ kinh doanh;

- Có chính sách thu hút thương nhân vào kinh doanh tại các chợ mới xây dựng nhưng hoạt động kém hoặc không hiệu quả như: Ưu tiên lựa chọn lô, sạp, quầy hàng trong chợ (nếu nhiều thương nhân cùng lựa chọn một điểm kinh doanh thì áp dụng hình thức bốc thăm); giảm, miễn tiền thuê sử dụng điểm kinh doanh trong một thời gian cụ thể;

- Tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ về quản lý chợ, kỹ năng bán hàng, vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng hàng hoá, cách phân biệt hàng giả, hàng không bảo đảm chất lượng, phòng chống cháy nổ... cho tổ chức quản lý chợ và các hộ kinh doanh;

- Hỗ trợ thương nhân tiếp cận, giao dịch với cơ quan nhà nước giải quyết những vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh (hướng dẫn đăng ký kinh doanh, đăng ký mã thuế, mức thu thuế, thay đổi mặt hàng kinh doanh ...); phổ biến, hướng dẫn chính sách, pháp luật kinh doanh; cung cấp thông tin về giá cả thị trường trong và ngoài tỉnh;

- Đối với các hợp tác xã quản lý, kinh doanh khai thác chợ, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ đào tạo đối với Ban Quản trị, Ban Chủ nhiệm, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và xã viên đang làm công việc chuyên môn nghiệp vụ của hợp tác xã. Nguồn kinh phí hỗ trợ đào tạo lấy từ ngân sách hàng năm của địa phương và các nguồn hợp pháp khác.

c) Giải pháp về công tác quản lý, kinh doanh khai thác chợ

- Quy định các phương thức khai thác cơ sở vật chất chợ

+ Bán quyền sử dụng điểm kinh doanh trong thời gian tương đối dài: Có thể áp dụng đối với các chợ có quy mô lớn (hạng 1, chợ đầu mối) và đối với các đơn vị, các hộ kinh doanh có khả năng về vốn, có khả năng mở rộng kinh doanh và thu hồi vốn;

+ Cho thuê diện tích kinh doanh trong từng năm: Có thể áp dụng đối với các chợ có quy mô hạng 2 và áp dụng đối với các hộ kinh doanh hạn chế về vốn nhưng có nhu cầu kinh doanh thường xuyên trên chợ và có khả năng mở rộng kinh doanh;

+ Cho thuê diện tích kinh doanh theo tháng, quý: Có thể áp dụng đối với các chợ có quy mô hạng 3 và áp dụng đối với các hộ mới vào hoạt động kinh doanh tại các chợ, hoặc bị hạn chế về vốn hoặc chưa xác định tính ổn định của công việc kinh doanh tại chợ;

+ Quy định các mức thu phù hợp với các đối tượng để đảm bảo khả năng thu hồi vốn đầu tư cũng như đảm bảo nguồn thu từ các chợ. Các mức thu liên quan đến khai thác cơ sở vật chất chợ được tính toán trên cơ sở quy mô vốn đầu tư ban đầu, tuổi thọ công trình và mức khấu hao hàng năm có tính đến sự hỗ trợ của nhà nước nhằm phát triển hoạt động kinh doanh, thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn và trình độ văn minh thương mại.

- Quy định về quản lý và sử dụng nguồn thu phí chợ

+ Đối với các chợ do ngân sách đầu tư

Ban quản lý chợ có trách nhiệm lập dự toán thu - chi thu về phí chợ theo quy định của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn phân cấp, lập, chấp hành và quyết

toán ngân sách nhà nước hiện hành (dự toán phân chi tiết theo nội dung thu chi đúng quy định và kèm theo thuyết minh, giải trình cơ sở tính toán), gửi cơ quan tài chính thẩm định để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc quyết toán thu phí chợ cùng thời gian với việc quyết toán ngân sách nhà nước. Ban quản lý chợ thực hiện quyết toán việc sử dụng biên lai thu phí, số tiền phí thu được, số tiền phí để lại cho đơn vị, số tiền phí phải nộp ngân sách, số tiền phí đã nộp và số tiền phí còn phải nộp ngân sách nhà nước với cơ quan thuế trực tiếp quản lý; quyết toán việc sử dụng số tiền được trích để lại với cơ quan tài chính cùng cấp theo đúng quy định.

Có thể áp dụng phương thức khoán hoặc đấu thầu kinh doanh, khai thác và quản lý chợ;

Ủy ban nhân dân cấp huyện chỉ đạo, tổ chức quản lý thu phí đối với các chợ trên địa bàn. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan cấp tỉnh, huyện thực hiện giám sát, quản lý việc thu phí chợ đối với các tổ chức thu phí chợ trên địa bàn.

+ Đối với các chợ do các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư: Áp dụng mức thu phí chợ do Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành, đồng thời thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định quản lý thuế hiện hành.

d) Tăng cường công tác phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm

- Giải pháp về lựa chọn vị trí, địa điểm và thiết kế xây dựng chợ: Ngay từ khâu quy hoạch phải đảm bảo tuân thủ các quy định về phòng chữa cháy, đảm bảo vệ sinh môi trường, khoảng cách với trường học, bệnh viện,...

- Khi tiến hành thiết kế và xây dựng mới chợ hoặc cải tạo nâng cấp các chợ cũ, cần phải thực hiện các giải pháp kỹ thuật về phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường theo đúng các tiêu chuẩn, quy định hiện hành như:

+ Giải pháp kỹ thuật xây dựng hệ thống phòng chống cháy nổ, cấp thoát nước bên trong và bên ngoài tại các chợ.

+ Giải pháp kỹ thuật thu gom và xử lý rác thải, nước thải trong các chợ: Đặt các thùng chứa rác, thu gom đúng giờ quy định và vận chuyển về bãi rác để xử lý;

+ Giải pháp chôn lấp rác hoặc xử lý rác...

+ Giải pháp xử lý nước thải (xử lý hoá lý và xử lý sinh học): Sau khi xử lý, nước rác có thể đưa vào hệ thống tưới tiêu thủy lợi mà không làm ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm ở vùng xung quanh bãi chôn lấp rác theo tiêu chuẩn môi trường của Nhà nước Việt Nam.

+ Phân công trách nhiệm, phối hợp quản lý giữa các ban, ngành, tổ chức địa phương trong việc chỉ đạo, giám sát các hoạt động bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường và an toàn cháy nổ.

+ Giáo dục và tuyên truyền về phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường cho các hộ kinh doanh trong chợ, đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ làm công tác quản lý, tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ môi trường chợ trong toàn dân trên các phương tiện đại chúng.

đ) Giải pháp về tổ chức và quản lý chợ

Tùng bước đổi mới và hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý chợ theo hướng: Khuyến khích thu hút thương nhân tham gia kinh doanh, tăng cường các giao dịch hàng hoá và dịch vụ, tạo điều kiện khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất, nâng cao trình độ văn minh thương mại và chất lượng phục vụ của các loại hình thương mại đối với sản xuất và tiêu dùng,... cụ thể:

- Xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển mạng lưới chợ phù hợp với quy hoạch kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội;

- Đề xuất các chính sách về đầu tư, xây dựng, khai thác và quản lý hoạt động chợ trên địa bàn; kiểm tra, giám sát hoạt động chợ.

- Quản lý chợ trên các lĩnh vực: Thuế, tài chính, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy,... bằng các văn bản, quy định của nhà nước trung ương và địa phương được phân cấp.

- Tạo lập môi trường và điều kiện về pháp lý, kinh tế, xã hội... cho hoạt động chợ; khuyến khích và hỗ trợ phát triển chợ; đảm bảo sự thống nhất trong công tác phát triển chợ với các loại hình thương mại khác; quản lý các tổ chức đầu tư, quản lý kinh doanh khai thác chợ.

- Tăng cường mối quan hệ giữa cơ quan quản lý nhà nước về chợ và đơn vị quản lý trực tiếp hoạt động chợ trên địa bàn; cần phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của hai tổ chức trên.

- Nâng cao vai trò, tính chủ động, chuyên nghiệp trong hoạt động điều hành quản lý chợ của các tổ chức quản lý chợ.

6. Tổ chức thực hiện

a) Sở Công Thương

- Là cơ quan đầu mối phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa triển khai thực hiện quy hoạch;

- Theo dõi kết quả thực hiện và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Công Thương; triển khai các cơ chế, chính sách liên quan đến quản lý và phát triển chợ trên địa bàn; tham mưu điều chỉnh, bổ sung quy hoạch trong quá trình thực hiện;

- Kịp thời tham mưu ban hành mới; rà soát, kiến nghị điều chỉnh các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, của tỉnh liên quan đến công tác quản lý nhà nước về chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Phối hợp Sở Tài chính cân đối, bố trí vốn đầu tư xây dựng chợ nông thôn theo Quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

- Đẩy mạnh công tác kêu gọi, thu hút đầu tư trong, ngoài tỉnh thực hiện đầu tư xây dựng chợ trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy mô, vị trí đã được phê duyệt; Thực hiện công tác giám sát đánh giá dự án đầu tư đối với các dự án chợ đã được UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận đầu tư; hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện đúng các quy trình, thủ tục về đầu tư xây dựng chợ theo quy định;

- Phối hợp Sở Công Thương, Sở Tài chính hướng dẫn Ủy ban nhân dân các

huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa về trình tự, thủ tục triển khai việc đấu thầu kinh doanh và khai thác chợ trên địa bàn tỉnh.

c) Sở Tài chính

- Triển khai các nhiệm vụ được phân công tại Quyết định quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2015 - 2020 do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

- Chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các đơn vị có liên quan về việc thực hiện các cơ chế tài chính liên quan đến chợ gồm: Thu phí chợ và mức trích phí chợ, khấu hao tài sản chợ, phương pháp xác định mức giao đấu thầu kinh doanh, khai thác chợ;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình đầu tư xây dựng, quản lý kinh doanh khai thác chợ thuộc lĩnh vực quản lý của Sở Tài chính đối với những chợ có đầu tư từ ngân sách; phối hợp với ngành thuế và các sở, ban, ngành liên quan theo dõi và kiểm tra thực hiện thu nộp ngân sách tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các khoản phải nộp khác của các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh khai thác và quản lý chợ.

d) Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp các địa phương hướng dẫn công tác đầu tư xây dựng chợ, đáp ứng tiêu chuẩn thiết kế theo Quyết định số 3621/QĐ-BKH-CN ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về công bố tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9211: 2012 Chợ - Tiêu chuẩn thiết kế và các quy chuẩn, tiêu chuẩn khác có liên quan;

- Thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật về quy hoạch và xây dựng chợ trên địa bàn tỉnh và thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

đ) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa hướng dẫn cho các đơn vị đang quản lý, sử dụng đất chợ mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chợ thực hiện rà soát, kê khai hiện trạng sử dụng đất, hoàn chỉnh hồ sơ báo cáo, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chợ theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các đơn vị liên quan kiểm tra, chấn chỉnh công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo việc thu gom và xử lý rác thải, nước thải tại các chợ đang hoạt động;

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa trong việc rà soát, tổng hợp, cập nhật quy hoạch mạng lưới chợ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo quy định;

- Thường xuyên kiểm tra, thanh tra tiến độ thực hiện các dự án chợ đã được cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thu hồi đối với các trường hợp phải thu hồi theo pháp luật đất đai.

e) Sở Giao thông Vận tải

- Chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa gắn quy hoạch chợ với các trục lộ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông hàng hoá và phương tiện vận chuyển;

- Xem xét thẩm định các phương án bảo đảm an toàn giao thông của các dự án đầu tư chợ; hướng dẫn thủ tục đấu nối đối với các chợ trên các tuyến đường quốc lộ;

- Hướng dẫn, phối hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa triển khai việc sắp xếp, giải quyết các chợ lấn chiếm lòng lề đường, vi phạm lộ giới, bán kính cầu, đảm bảo an toàn giao thông.

g) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả dự án Lifsap và các chương trình, dự án khác có liên quan đến việc xây dựng, nâng cấp khu vực tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tại chợ;

- Chủ trì, phối hợp Sở Y tế trong việc quản lý và kiểm soát nguồn gốc nông sản, thịt gia súc, thịt gia cầm, thủy hải sản, thực phẩm đưa vào chợ;

- Phối hợp với Sở Y tế công bố danh sách các cơ sở sản xuất, chế biến, giết mổ đảm bảo điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, hợp tác xã, các hộ kinh doanh tại chợ trong liên kết tiêu thụ;

- Thường xuyên tổ chức đoàn liên ngành kiểm soát chặt chẽ các nguồn nông sản thực phẩm vào chợ, tăng cường quản lý an toàn thực phẩm trong suốt quá trình sản xuất, thu gom, vận chuyển, giết mổ sản phẩm động vật và thủy hải sản trên thị trường xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật.

h) Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp Sở Tài chính ban hành văn bản hướng dẫn các địa phương, đơn vị có liên quan trong việc ban hành quyết định thành lập, các chính sách chế độ (lương và phụ cấp) của Ban Quản lý chợ theo hình thức đơn vị sự nghiệp có thu;

- Hướng dẫn thực hiện chế độ chính sách và quản lý đối với cán bộ, viên chức thuộc Ban quản lý chợ trong biên chế nhà nước khi chuyển sang doanh nghiệp hoặc hợp tác xã quản lý, kinh doanh chợ.

i) Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa trang bị cân đối chứng tại các chợ đủ điều kiện và thường xuyên thực hiện kiểm tra, các phương tiện cân, đo tại chợ nhằm bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng;

- Chỉ đạo Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thường xuyên giám sát tình hình hoạt động của cân đối chứng; kiểm tra công tác đo lường, chất lượng hàng hóa bán tại các chợ.

k) Sở Y tế

- Chỉ đạo các đơn vị thuộc Sở Y tế phối hợp Chi cục Quản lý thị trường, Ban quản lý chợ tăng cường công tác kiểm tra các hộ kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, vệ sinh an toàn thực phẩm, tổ chức tốt công tác phòng chống dịch bệnh tại các chợ.

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa trong việc thành lập tổ kiểm tra an toàn thực phẩm tại chợ; quy trình kiểm tra nhằm đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong phạm vi chợ.

l) Sở Lao động, Thương binh và Xã hội

- Hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng, chống cháy nổ trong phạm vi chợ, đối với tổ chức, cá nhân người sử dụng lao động tham gia kinh doanh, khai thác, quản lý chợ trên địa bàn tỉnh.

- Giải quyết vướng mắc về chế độ, chính sách đối với các cán bộ, công nhân viên, người lao động (ngoài biên chế) làm việc tại các Ban quản lý chợ.

m) Sở Thông tin và Truyền thông

Phối hợp với các địa phương chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng ở địa phương thực hiện tốt công tác tuyên truyền để thương nhân và người tiêu dùng hiểu rõ và chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của tỉnh về quy hoạch, xây dựng mới, di dời giải tỏa chợ, vệ sinh an toàn thực phẩm, niêm yết giá,... từng bước thay đổi diện mạo chợ, thực hiện tốt văn minh thương nghiệp trong tình hình hội nhập kinh tế hiện nay.

n) Công an tỉnh Đồng Nai

- Tổ chức thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an ninh trật tự; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tại các chợ;

- Chỉ đạo lực lượng công an của các địa phương phối hợp tích cực với các phòng, ban của huyện, thị, thành trong xử lý dẹp bỏ các chợ lấn chiếm lòng lề đường, chợ tự phát nhằm đảm bảo an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường,...

o) Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh Đồng Nai

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật và kiến thức về phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ theo quy định của pháp luật hiện hành; hướng dẫn các chợ kiện toàn, duy trì hoạt động và huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy đối với đội phòng cháy chữa cháy cơ sở; lập và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn cứu hộ tại các chợ;

- Định kỳ tiến hành kiểm tra các điều kiện an toàn phòng cháy chữa cháy tại các chợ, phát hiện các cơ hở, thiếu sót, vi phạm quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy để hướng dẫn Ban quản lý chợ khắc phục kịp thời.

p) Liên minh Hợp tác xã tỉnh

- Tiến hành sơ kết, đánh giá hiệu quả mô hình hợp tác xã kinh doanh, quản lý chợ, trên cơ sở đó tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách nhằm nhân rộng mô hình này;

- Hướng dẫn các hợp tác xã kinh doanh, quản lý chợ, nghiên cứu thiết lập mối liên kết với đầu mối cung cấp hàng hóa, tạo nguồn hàng đủ lớn và ổn định để bảo đảm cung cấp thường xuyên cho các hộ kinh doanh tại chợ.

q) Các sở, ban, ngành chức năng liên quan

Có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa về các lĩnh vực chuyên môn do

ngành mình phụ trách để triển khai thực hiện Quy hoạch.

r) UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa

- Công bố quy hoạch xây dựng chợ, kế hoạch sử dụng đất chợ nhằm công khai trong việc kêu gọi đầu tư, sửa chữa nâng cấp, di dời, giải tỏa chợ. Đề xuất các giải pháp và chính sách tích cực, đồng bộ để giải phóng mặt bằng, quản lý các hoạt động của chợ theo đúng quy định của nhà nước;

- Lập kế hoạch, phân kỳ đầu tư xây dựng, nâng cấp sửa chữa chợ trên địa bàn theo quy hoạch và tổ chức thực hiện; chủ động bố trí ngân sách địa phương kết hợp với ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư xây dựng chợ nông thôn. Tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng xây dựng công trình chợ có sự hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Nhà nước; kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về thu chi tài chính, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác, thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các chợ trên địa bàn;

- Phối hợp các sở, ngành trong việc tổ chức thẩm định, cấp phép xây dựng, phê duyệt phương án sắp xếp ngành nghề, điểm kinh doanh, quy định thời hạn thuê điểm kinh doanh, mức thu đầu tư chợ của dự án chợ (theo phân cấp);

- Phê duyệt Quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ của Ban Quản lý chợ, phê duyệt nội quy chợ, phê duyệt phương án sắp xếp ngành nghề, điểm kinh doanh tại chợ, quy định cụ thể việc sử dụng, thuê, thời hạn thuê và các biện pháp quản lý điểm kinh doanh tại chợ tại địa phương;

- Chỉ đạo phòng, ban chức năng, phối hợp Ban quản lý chợ đẩy nhanh tiến độ hoàn chỉnh hồ sơ thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chợ. Xử lý dứt điểm việc cấp giấy chứng nhận điểm kinh doanh không thời hạn, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân trong phạm vi đất chợ, các trường hợp thuê các điểm kinh doanh tại chợ không kinh doanh trong thời gian dài;

- Tập trung chỉ đạo xoá bỏ hoặc di dời các chợ tự phát, các điểm buôn bán lấn chiếm lòng, lề đường, vi phạm hành lang an toàn giao thông đường bộ, an ninh trật tự, gây ô nhiễm môi trường, vi phạm an toàn thực phẩm;

- Đẩy mạnh công tác đấu thầu kinh doanh, khai thác và quản lý chợ, chỉ đạo và phê duyệt chế độ chính sách và quản lý đối với viên chức, người lao động thuộc Ban quản lý chợ trong biên chế nhà nước khi chuyển sang doanh nghiệp hoặc hợp tác xã quản lý, kinh doanh chợ;

- Chỉ đạo phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp phòng Kinh tế/ Kinh tế và Hạ tầng, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện tốt việc giao dự toán thu chi phí chợ, phê duyệt báo cáo quyết toán thu chi phí chợ của Ban quản lý chợ. Phê duyệt phương án mức thu đầu tư chợ của thương nhân đầu tư xây dựng kinh doanh khai thác ở các chợ mới xây dựng;

- Tăng cường chỉ đạo các Ban quản lý chợ, thương nhân kinh doanh quản lý chợ kiểm tra, kiểm soát, giám sát hộ kinh doanh trong thực hiện nội quy, quy chế hoạt động của chợ; hướng dẫn và yêu cầu các hộ kinh doanh thực hiện niêm yết giá và bán đúng giá niêm yết tại các điểm kinh doanh trong các chợ. Hướng dẫn Ban quản lý chợ về ký hợp đồng cho thuê điểm kinh doanh, lập các phương án

sửa chữa, nâng cấp chợ; giám sát, kiểm tra việc vận động các hộ kinh doanh đóng góp tiền sửa chữa, nâng cấp chợ của Ban quản lý chợ.

- Định kỳ sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình hoạt động, quản lý và phát triển chợ trên địa bàn, báo cáo Sở Công Thương và Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, thay thế Quyết định số 2204/2005/QĐ.CT.UBND ngày 20/6/2005 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch Phát triển mạng lưới chợ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2010; thay thế Quyết định số 2835/QĐ-UBND ngày 16/9/2014 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quy hoạch Phát triển ngành thương mại tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011- 2020 và định hướng đến năm 2025; thay thế một phần nội dung quy định về chợ tại Mục 2.2 Khoản 2, Điểm a Mục 4.1, Điểm d Mục 4.2 Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 3785/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án “Phát triển thương mại nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011- 2015 và định hướng đến năm 2020”; thay thế một phần nội dung quy định về chợ tại Điểm a và Điểm b Khoản 5 Mục II Điều 1 Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 07/5/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Quy hoạch Phát triển thương mại tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Công Thương, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh, Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, các đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó chánh văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Phú Cường



PHỤ LỤC I
LIÊN MỤC SÁCH CHỢ ĐANG HOẠT ĐỘNG THEO QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CHỢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI ĐẾN NGÀY 31/12/2014
 (Kèm theo Quyết định số 319/2014/QĐ-UBND ngày 04/02/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Địa chỉ	Số tờ	Số thửa	Mã số quy hoạch	Hạng chợ			Diện tích hiện trạng (m ²)	Năm đầu tư gần nhất		Vốn đầu tư (trệu đồng)	Nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
					I	II	III		Xây dựng mới	Nâng cấp sửa chữa			
1	Chợ Biên Hòa	4	5	6	7	8	9	21	11	12	13	14	
I THÀNH PHỐ BIÊN HÒA													
1	Khu phố 1, phường Thanh Bình			A1	X					2012	245.210	Xã hội hóa	
2	Khu phố 5A, phường Tân Biên	49	155	A2	X				2005		107.000	Doanh nghiệp	Tổng Công ty TNHH MTV Tin Nghĩa đầu tư và quản lý; Hoạt động chợ đêm từ năm 2007
3	Khu phố 1, phường Tam Hòa			A3		X				2008	948	Xã hội hóa	HTX Thanh Niên quản lý 04/2006
4	Khu phố 2, phường Tân Hiệp			A4	X					2008	10.000	Doanh nghiệp	
5	Khu phố 2, phường Tân Phong	52	145	A5		X			2001		1.194	NSNN	
6	Khu phố 1, phường Long Bình Tân	6	122	A6	X	X				2009	1.072	NSNN	HTX Tân Long quản lý 01/2006
7	Áp Tân Bình, phường Bửu Hòa	21	120	A7	X	X				2001	1.000	NSNN	Cty SX TMDV Đồng Nai quản lý từ 03/2004
8	Khu phố 4, phường Tân Mai	18	41	A8	X	X				2001	966	NSNN	Cty SX TMDV Đồng Nai quản lý từ 03/2004
9	Áp An Hòa, xã Hòa An			A9	X	X				2012	9.522	Xã hội hóa	
10	Chợ Khu dân cư Bửu Long			A10	X	X			2007		9.340	Doanh nghiệp	Cty TNHH Nguyễn Hoàng đầu tư và quản lý
11	Khu phố 4, phường An Bình			A12	X	X				2012	843	NSNN	
12	Chợ Tân Tiến			A13	X	X			2001		46	NSNN	
13	Chợ Tam Hiệp			A14	X	X			2003		77	NSNN	
14	Chợ khu phố 3 Bửu Long			A16	X	X			2012		700	Xã hội hóa	
15	Chợ Thái Bình			A17	X	X				1980	800	NSNN	
16	Chợ Hiệp Hòa			A18	X	X			2012		2.700	Doanh nghiệp	Cty TNHH MTV Bà Thiên Hưng đầu tư và quản lý
17	Chợ Tân Vạn (tam)			A19	X	X				2005	70	Xã hội hóa	
18	Chợ Tân Hạnh			A20	X	X			2014		5.000	Xã hội hóa	
19	Chợ khu phố 4-5 Long Bình			A22	X	X					1.800	Doanh nghiệp	Di dời từ khu phố 4-5 sang khu phố 3
20	Chợ Trảng Dài			A23	X	X			2007				Điều chỉnh quy hoạch đầu thương mại
21	Chợ Hàng Dầu			A24	X	X				2006	75	Xã hội hóa	HTX Lâm Sơn quản lý 12/2005
22	Chợ số 6 Hồ Nai			A25	X	X							Di dời đến khu phố 4, phường Hồ Nai
23	Chợ Bến gỗ			A176	X	X							Di dời từ ấp 2 đến ấp 1, xã An Hòa (gần Trường Nguyễn Thị Sáu)
24	Chợ Long Hưng			A177	X	X							Chợ tạm, chưa xây dựng
25	Chợ Tân Mai 2			A189	X	X				2004	400	Xã hội hóa	Giải tỏa, di dời về Chợ Tân Biên
26	Chợ Sắt			B1	X	X				1990	800	Xã hội hóa	Chợ họp trên đường, vi phạm hành lang ATGT
27	Chợ Hòa Bình			B7	X	X							Chợ thuộc diện di dời
28	Chợ Thành Tâm			B8	X	X							Chợ tạm, họp ven đường, Di dời vào dự án khu GD
29	Chợ khu phố 7 Long Bình (K888)			B12	X	X				2014		BQP	quản đổi, BOLDA 45/TCKT-BQP
30	Chợ Kỳ Niệm			B19	X	X					500	Xã hội hóa	Chợ thuộc diện di dời

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
31	Chợ Lò Bò	Khu phố 3, phường Thanh Bình			B20		X	X	0				Xã hội hóa	Chợ họp trên đường, vì phạm thành lập ATGT
32	Chợ Hội An	Khu phố 9, phường Hội An			B22		X	X	200				Xã hội hóa	Chợ thuộc diện di dời
33	Chợ Cây Châm	Khu phố 3, phường Quang Vinh			B25		X	X	650				Xã hội hóa	Chợ thuộc diện di dời
II HUỖN TRẢNG BOM														
1	Chợ Trà cổ	Ấp Trà Cổ, xã Bình Minh	21	356	A27		X		4.581	2005		4.730	Xã hội hóa	HTX Tân Trà
2	Chợ Đông Hòa	Ấp Hòa Bình, xã Đông Hòa	3	223	A28		X		3.490	2004	2009	6.068	Xã hội hóa	
3	Chợ An Châu	Ấp Búi Chu, xã Bắc Sơn	38	15	A29		X		2.340	2004		2.621	Doanh nghiệp	
4	Chợ Trang Bom	Khu phố 1, thị trấn Trang Bom	25	10	A30		X		4.200	2008		4.900	Xã hội hóa	HTX Trang Bom
5	Chợ Sông Trầu	Ấp 2, xã Sông Trầu	36	364	A31		X		4.779	2003		2.070	NSNN	Cơ Địa ốc 9 đầu tư và quản lý
6	Chợ Khu công nghiệp	Ấp Sông Mây, xã Bắc Sơn	25	99	A32		X		2.818	2008		10.000	Xã hội hóa	KCN Sông Mây
7	Chợ Hưng Long	Ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	13	408	A34		X		2.222				Xã hội hóa	
8	Chợ Hưng Thịnh	Ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	10	100.102.103	A35		X		3.439				Xã hội hóa	
9	Chợ Cây Gáo	Ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	15	35	A36		X		2.908		2006		Xã hội hóa	
10	Chợ Quảng Bên	Ấp Quảng Bên, xã Quảng Tiến	5	210	A37		X		3.458	1998			Xã hội hóa	
11	Chợ Lộc Hòa	Ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	19	281.327	A38		X		1.211		2006	790	Xã hội hóa	HTX Tây Hòa
12	Chợ Sông Thao	Ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	32	203	A39		X		2.002		2013	720	Xã hội hóa	
13	Chợ Giang Diên	Ấp Xây dựng, xã Giang Diên	3	190	A40		X		2.961	2012		7.000	Xã hội hóa	
14	Chợ An Viên	Ấp 3, xã An Viên	6	19A, 19, 20, 21	A41		X		8.275				Xã hội hóa	
15	Chợ Đồi 61	Xã Đồi 61	20	2	A42		X		2.776	2005		2.530	Xã hội hóa	Chợ đã xây dựng xong nhưng chưa hoạt động; để nghị chuyển đổi công năng, xóa quy hoạch
16	Chợ Thanh Hòa	Ấp Thanh Hòa, xã Hồ Nai 3	64	24	A43		X		795	2002		5.000	Xã hội hóa	
17	Chợ Bàu Hầm	Ấp Tân Hòa, xã Bàu Hầm	29	294	A44		X		1.212	1995			Xã hội hóa	
18	Chợ Trường An	Ấp Trường An, xã Thanh Bình	13	156	A45		X		2.167				Xã hội hóa	
19	Chợ Sông Mây	Ấp Sông Mây, xã Bắc Sơn	13	114, 113, 115	A47		X		7.000	2007			Xã hội hóa	Chợ tạm chưa xây dựng
III HUỖN THÔNG NHẤT														
1	Chợ Đốc Mờ	Ấp Đốc Mờ 1, xã Gia Tân 1	21	313	A46		X		2.959			11.032	Xã hội hóa	HTX KD TH Đốc Mờ
2	Chợ Dầu Giây	Ấp Trần Cao Văn, xã Bàu Hầm 2	53	72	A47		X		5.073		2013	1.807	Xã hội hóa	HTX SXKD TH Dầu Giây kinh doanh, khai thác; chợ có Lisap; để nghị hỗ trợ kinh phí để sửa chữa chợ
3	Chợ Phúc Nhạc	Ấp Phúc Nhạc, xã Gia Tân 3	38	204	A48		X		962	2003			Xã hội hóa	HTX KD TH Phúc Nhạc; đã cấp GCN QSDĐ năm 1994, do đó đặc sai diện tích, góp thừa rên Sổ TN&MT đang giữ GCNQSDĐ số C449449 ngày 24/01/1994.
4	Chợ Nguyễn Huệ	Ấp Nguyễn Huệ, xã Quang Trung	35	249, 254	A49		X		1.644	2009		7.000	Doanh nghiệp	HTX Quang Trung; xây dựng mới trên nền chợ cũ và mở rộng diện tích đất (667m ²)
5	Chợ Lê Lợi	Ấp Lê Lợi, xã Quang Trung	49	415	A51		X		947		2013	487	Xã hội hóa	HTX Quang Trung
6	Chợ Vã Đông	Ấp Vã Đông, xã Gia Kham	39	378	A52		X		498	1977			Xã hội hóa	Diện tích 498 (H/LGT 336m ²)
7	Chợ Ấp 5 Lộ 25	Ấp 5, xã Lộ 25	5	109	A53		X		1.294	1978			Xã hội hóa	Chợ có Lisap
8	Chợ Tân Lập	Ấp 2, xã Lộ 25	23	123	A54		X		1.016		2011	1.255	Xã hội hóa	Diện tích 498 (H/LGT 336m ²)
9	Chợ Hưng Lộc	Ấp Hưng Hiệp, xã Hưng Lộc	25	384	A55		X		870		2012	483	Xã hội hóa	HTX TM DV Hưng Lộc; chợ có Lisap; để nghị hỗ trợ kinh phí để sửa chữa chợ
10	Chợ 9/4	Ấp 9/4, xã Xuân Thành			A56		X		700	1997			Xã hội hóa	Vị trí QH nằm gần khu THHC xã Xuân Thành diện tích 6.752m ² (QĐ 3627/QĐ-UBND ngày 24/10/2007)
11	Chợ Cây Mè	Ấp Tân Nghĩa, xã Xuân Thiện	12	106	A57		X		942		2014		Xã hội hóa	Chợ có Lisap đầu tư trên nền chợ cũ
12	Chợ Trần Hưng Đạo	Ấp Trần Hưng Đạo, xã Xuân Thành			A58		X		600	1962			Xã hội hóa	Bộ Công Thương hỗ trợ 500 triệu đồng (Quyết định 3785/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh)
13	Chợ Phan Bội Châu	Ấp Phan Bội Châu, xã Bàu Hầm 2	2	24	A59		X		1.000	1983			Xã hội hóa	Vị trí di dời ấp Phan Bội Châu xã Bàu Hầm 2 (tờ số 2/1983) để nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
VI HUYỆN ĐỊNH QUÁN														
1	Chợ Phú Lợi	Ấp 2, xã Phú Lợi	23	6; 71	A76	X	X	17	97.193	2002		46.800	NSNN	HTX TMDV Phú Lợi
2	Chợ trung tâm thị trấn Định Quán	Khu phố Hiệp Đồng, thị trấn Định Quán	28	191; 192; 193	A77	X			20.000	2002		4.000	NSNN	HTX TMDV Định Quán
3	Chợ Ngã ba Gia Canh	Khu phố Hiệp Quyết, thị trấn Định Quán	17	19	A78		X	X	1.117	1994			Xã hội hóa	
4	Chợ xã Gia Canh	Ấp 2, xã Gia Canh			A79		X	X	9.225	2006		10.000	Doanh nghiệp	Cty TNHH Hoàng Sĩ đầu tư và quản lý
5	Chợ Suối Nho	Ấp chợ, xã Suối Nho	46	213	A80		X	X	4.823	1996			Xã hội hóa	Cty Hiện Đại đang đầu tư, để nghỉ hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
6	Chợ trung tâm cụm Phú Tân	Ấp 5, xã Phú Tân			Chưa MS		X	X	4.759	2005			Xã hội hóa	
7	Chợ Phú Túc	Ấp chợ, xã Phú Túc	7	30	A82		X	X	2.840	2003			Xã hội hóa	Cty An Phúc chuẩn bị đầu tư, để nghỉ hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
8	Chợ Phú Vinh	Ấp 2, xã Phú Vinh			A83		X	X	2.278	2000			Xã hội hóa	Chợ hoạt động không hiệu quả, để nghỉ xóa quy hoạch, chuyển đổi công năng
9	Chợ Túc Trung	Ấp Hòa Bình, xã Túc Trung	52	14; 28; 59; 66; 94; 95; 99; 153-155	A84		X	X	10.000	2007			Xã hội hóa	Cty Hiện Đại chuẩn bị đầu tư vị trí mới.
10	Chợ Phú Hòa	Ấp 3, xã Phú Hòa	13	103	A85		X	X	3.794	2002			Xã hội hóa	
11	Chợ Phú Cường	Ấp Phú Tân, xã Phú Cường	14	212; 323	A86		X	X	3.900	2012		12.000	Doanh nghiệp	Cty TNHH Đầu tư Tư vấn Xây dựng Môi trường An Phúc đầu tư và quản lý
12	Chợ La Ngà 102	Ấp 1, xã La Ngà	23	310; 332	A87		X	X	9.821	2012		16.000	Doanh nghiệp	Cty TNHH Hoàng Sĩ đầu tư và quản lý
13	Chợ Vinh An La Ngà	Ấp Vinh An, xã La Ngà	13	173; 185-187; 109; 191; 202; 220	A88		X	X	1.430	2014			Xã hội hóa	
14	Chợ 104 Phú Ngọc	Ấp 2, xã Phú Ngọc			A89		X	X	1.000	2007			Xã hội hóa	
15	Chợ 105 Phú Ngọc	Ấp 2, xã Phú Ngọc			A90		X	X	5.485	1985			Xã hội hóa	Di dời về chợ 105, để nghỉ xóa quy hoạch
16	Chợ Lâm tương 3 Thanh Sơn	Ấp 7, xã Thanh Sơn	12	17-20; 198; 199; 201	A91		X	X	3.000	2014			Xã hội hóa	
17	Chợ Thanh Sơn	Ấp 1, xã Thanh Sơn	98	1	A92		X	X	8.126	2005		2.000	Xã hội hóa	
18	Chợ bên phố 107	Ấp Hòa Trung, xã Ngọc Định			A93		X	X	1.131	2014			Xã hội hóa	
19	Chợ ngã ba 107	Ấp Hòa Trung, xã Ngọc Định	57	103	A94		X	X	1.173	2002			Xã hội hóa	Di dời về Trung tâm xã Ngọc Định
V HUYỆN TÂN PHÚ														
1	Chợ Phương Lâm	Ấp Phương Mai 1, xã Phú Lâm	19	16	A60	X			8.416	2013		19.853	Xã hội hóa	HTX TMDV Phương Lâm
2	Chợ Phú Điền	Ấp 3, xã Phú Điền	18	91	A62		X	X	3.000				Xã hội hóa	Di dời đến vị trí mới
3	Chợ Phú Lộc	Ấp 6, xã Phú Lộc	1	52	A63		X	X	2.390		2013	1.204	Xã hội hóa	
4	Chợ 13 Phú Lập	Ấp 3, xã Phú Lập	12	127	A64		X	X	5.547	2001	2013	2.300	Xã hội hóa	
5	Chợ Nam Cát Tiên	Ấp 5, xã Nam Cát Tiên	6	94	A65		X	X	2.796	2001		475	NSNN	
6	Chợ 138 Phú Sơn	Ấp Phú Lâm 3, xã Phú Sơn	18	237	A66		X	X	1.538		2003	30	NSNN	
7	Chợ Đắc Lua	Ấp 12, xã Đắc Lua	15	31	A67		X	X	937				NSNN	
8	Chợ Núi Tượng	Ấp 4, xã Núi Tượng	10	105, 109, 110, 236-239, 148, 149, 143, 136, 145, 144, 137, 146, 140, 158, 159	A68		X	X	1.477	1999			NSNN	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
9	Chợ Phú Xuân (Ngọc Lâm)	Ấp Ngọc Lâm 1, xã Phú Xuân	30	52-55, 65, 66, 89, 90	A69			X	1.500				Xã hội hóa	Đang làm thủ tục xây dựng
10	Chợ 142	Ấp 7, xã Phú An			A72			X	5.012			80		Kinh doanh trước nhà lồng chợ chính, Công ty TNHH 142 đang tranh chấp nên chưa bàn giao đưa vào sử dụng.
VI THỊ XÃ LONG KHÁNH														
1	Chợ Long Khánh	Đường Hùng Vương, phường Xuân Trung			A95	X			9.848	2010		71.565	Xã hội hóa	
2	Chợ Xuân Thành	Khu phố 1, Hoàng Diệu, phường Xuân Thành	8	84,114	A96			X	2.854		2007	1.700	XH hóa	HTX TMDV Xuân Thành
3	Chợ Xuân Tân	Ấp Tân Phong, xã Xuân Tân	25	102	A97			X	1.769		2009	1.700	Doanh nghiệp	
4	Chợ Báo Vinh	Ấp Rừng Lớn, xã Báo Vinh	24	11,29	A98			X	1.296		2008	2.700	XH hóa	
5	Chợ Bàu Cối	Ấp Bàu Cối, xã Báo Quang	9	42	A100			X	671		2012	541,6	Xã hội hóa	
6	Chợ Xuân Lập	Ấp Trung Tâm, xã Xuân Lập	06	82	A102			X	4.415		2013	1.400	Xã hội hóa	Quyết định giao đất của UBND tỉnh
7	Chợ Hàng Gòn	Ấp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn	35	187	A103			X	963		2011	800	Xã hội hóa	
8	Chợ Bình Lộc	Ấp 1, xã Bình Lộc	26	172	A108			X	644		2014	1.700	Xã hội hóa	
VIII HUYỆN XUÂN LỘC														
1	Chợ Xuân Đà	Ấp 5, xã Xuân Tâm	38	303,1588,1589	A109			X	5.733		2008	3.700	Xã hội hóa	
2	Chợ Xuân Hưng	Ấp 2, xã Xuân Hưng	73	82	A111		X		3.844		2014	1.200	Xã hội hóa	
3	Chợ Xuân Thọ	Ấp Thọ Chánh, xã Xuân Thọ	55	90	A112			X	3.660		2011	8.700	Doanh nghiệp	Cty TNHH Đầu tư Tư vấn Xây dựng Môi trường An Phúc đầu tư và quản lý
4	Chợ Suối Cát	Ấp Suối Cát 1, xã Suối Cát	17	319	A113			X	4.730		2011	1.170	Xã hội hóa	HTX DVTM Suối Cát
5	Chợ Báo Hòa	Ấp Hòa Hợp, xã Báo Hòa	8	35	A114			X	4.832		2013	2.578	Xã hội hóa	HTX DVTM Báo Hòa; Chợ xã điểm, đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
6	Chợ Gia Ray	Ấp Trung Nghĩa, xã Xuân Trường	18	98	A115			X	2.685		2013	2.200	Xã hội hóa	
7	Chợ Xuân Lộc	Khu 4, Thôn Gia Ray	16	34	A116		X		3.355		1994	1.960	Xã hội hóa	HTX TMDV Bình Hòa; Chợ xã điểm
8	Chợ Bình Hòa	Ấp Bình Hòa, xã Xuân Phú	30	269	A118			X	1.502		2010	2.500	Doanh nghiệp	Chợ xã điểm đang lập dự án, đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
9	Chợ Thọ Lộc	Ấp Thọ Lộc, xã Xuân Thọ	38	28	A119			X	1.198		2.007		Xã hội hóa	HTX TMDV Xuân Hòa; Chợ xã điểm xây dựng mới
10	Chợ Lang Minh	Ấp Đông Minh, xã Lang Minh	15	22	A120			X	6.658		2012	9.000	Xã hội hóa	HTX DT-XD chợ Lang Minh
11	Chợ Tân Hòa	Ấp Tân Hòa, xã Xuân Thành	13	744	A121			X	2.575		2012	11.000	Xã hội hóa	HTX DT-XD chợ Tân Hòa
12	Chợ Xuân Hòa	Ấp 3, xã Xuân Hòa	63	137	A122			X	2.116		2002	942	Xã hội hóa	
13	Chợ Xuân Bắc	Ấp 2B, xã Xuân Bắc	47	31	A123			X	6.492		2014	150	Xã hội hóa	
14	Chợ Ấp Tân Hiệp	Ấp Tân Hiệp, xã Xuân Hiệp	13	1-7,11-25	A124			X	600				Xã hội hóa	Chợ tạm, đề nghị xóa quy hoạch
15	Chợ Xuân Định	Ấp Báo Định, Xuân Định	5	727	A125			X	30.000		2012	38.000	Xã hội hóa	HTX TMDV Xuân Định
16	Chợ Mã Vôi	Ấp Hòa Bình, xã Báo Hòa	9	115	A127			X	4.510		2012	4.200	Tư nhân	
VIII HUYỆN VINH CỬU														
1	Chợ Tân Bình	Ấp Bình Phước, xã Tân Bình	12	137-139, 141, 142, 559	A129			X	9.800		2004	21.800	Doanh nghiệp	DNTN Thiên Nhiên đầu tư và quản lý
2	Chợ Vĩnh An	Khu phố 5, thị trấn Vĩnh An	69, 70	5, 12	A130			X	14.946		1991	1.664	Xã hội hóa	Chợ có Lifesap
3	Chợ Vĩnh Tân	Ấp 3, xã Vĩnh Tân			A131		X		8.314		2007		Doanh nghiệp	IDNTN Đức Lợi Thành đầu tư và quản lý
4	Chợ Thanh Phú	Ấp 2, xã Thanh Phú	27	355	A132			X	1.680		1992	1.203	Xã hội hóa	Chợ có Lifesap, đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
5	Chợ Hiếu Liêm	Ấp 3, xã Hiếu Liêm			A133			X	2.700		1982	2.180	Xã hội hóa	Chợ có Lifesap, đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
6	Chợ Mã Đà	Ấp 1, xã Mã Đà	93	78	A134			X	369				Xã hội hóa	Đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
7	Chợ Phú Lý	Ấp Lý Lịch, xã Phú Lý	42	39, 75-77, 87, 86	A136			X	4.567		1986	1.050	Xã hội hóa	Chợ có Lifesap, đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
8	Chợ Khu phố 1 Vĩnh An	Khu phố 1, xã Vĩnh An			A139			X	5.500		1990		Xã hội hóa	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
IX HUYỆN NHƠN TRẠCH														
1	Chợ Đại Phước	Ấp Phước Lý, xã Đại Phước	34	87	A140		X		20.802	2.007		31.750	Doanh nghiệp	DNTN Huỳnh Minh đầu tư, quản lý
2	Chợ Phước Thiện	Ấp Bến Cam, xã Phước Thiện	28	34	A141		X		1.895		2013	4.700	Xã hội hóa	UBND Xã quản lý
3	Chợ Phước Khánh	Ấp 2, xã Phước Khánh	31	100	A142		X		1.238		2007	3.000	Xã hội hóa	Đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
4	Chợ Phú Thạnh	Ấp 1, xã Phú Thạnh	5	89	A143		X		818	2.014		3.250	Xã hội hóa	Chợ tạm, chưa đầu tư
5	Chợ Sơn Hà	Ấp Sơn Hà, xã Vĩnh Thạnh	26	111	A144		X		1.355	2.013		5.000	Xã hội hóa	BQL ấp Sơn Hà quản lý
6	Chợ Ấp 1 Long Thọ	Ấp 1, xã Long Thọ	18	6	A145		X		1.800	2.011		7.000	Doanh nghiệp	DNTN Hoàng Tuấn Hùng đầu tư và quản lý
7	Chợ Ấp 4 Long Thọ	Ấp 4, xã Long Thọ	377	286	A146		X		237	2.007			Xã hội hóa	Đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
8	Chợ Phú Hữu	Ấp Cát Lái, xã Phú Hữu	14	105,68	A148		X		1.998	2.003		3.000	Doanh nghiệp	DNTN Huỳnh Minh đầu tư, quản lý
9	Chợ Giồng Ông Đông	Ấp Giồng Ông Đông, xã Phú Đông	15	81	A149		X		1.411	2.011		1.400	Xã hội hóa	HTX Phú Đông quản lý
10	Chợ Phú Hội	Ấp Xóm Hố, xã Phú Hội	11	151	A150		X		1.816	2.007			Doanh nghiệp	Chợ tạm, chưa đầu tư
11	Chợ Phước An	Ấp Bà Trảng, xã Phước An	97	148	A151		X		796	2.008			Xã hội hóa	HTX Quyết Tiến
12	Chợ Hòa Bình	Ấp Hòa Bình, xã Vĩnh Thạnh	1	330; 227, 194,193	Chưa MS		X		2.700	2.009		3.000	Doanh nghiệp	Cty TNHH TM-DV Gò Cát đầu tư và quản lý
13	Chợ Ấp 3 Hiệp Phước	Ấp 3, xã Hiệp Phước	26	310	B52		X		3.246		2013	1.400	Xã hội hóa	HTX Hiệp Phước
X HUYỆN CẨM MỸ														
1	Chợ Sông Ray	Ấp 1, xã Sông Ray	14	106	A152	X			16.815	2005		16.000	Doanh nghiệp	Cty TNHH ĐT-TV-XD Cường Thịnh đầu tư, quản lý; hoạt động không hiệu quả
2	Chợ Cẩm Mỹ	Ấp Suối Râm, xã Long Giao	6	913	A153	X			13.230	2010		30.000	Doanh nghiệp	Cty ĐT-XD Nhơn Thành đầu tư, quản lý; hoạt động không hiệu quả
3	Chợ Báo Bình	Ấp Tân Báo, xã Báo Bình	14	203	A154		X		3.760	2014		11.300	Xã hội hóa	HTX Báo Bình, chợ xã điểm đang lập dự án, Đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
4	Chợ Xuân Mỹ	Ấp Lăng Lớn, xã Xuân Mỹ	6	58	A155		X		12.596	2005			Xã hội hóa	HTX DV-TM-NN Quyết Tiến
5	Chợ Lăng Mè	Ấp Lăng Mè, xã Xuân Đông	11	353	A157		X		4.266	2008			Xã hội hóa	Chợ tạm, chưa xây dựng
6	Chợ Ấp 1 Xuân Tây	Ấp 1, xã Xuân Tây	33	65	A159		X		3.600	2008	2008	2.600	Xã hội hóa	HTX TM-DV Xuân Tây
7	Chợ Ấp 10 Xuân Tây	Ấp 10, xã Xuân Tây			A160		X		5.197	2008			Xã hội hóa	Chợ tạm, chưa xây dựng để nghỉ xóa quy hoạch
8	Chợ Nam Hà	Ấp Nam Hà, xã Xuân Bào			A161		X		1.800	2008			Xã hội hóa	Chợ tạm, chưa xây dựng, đề nghị xóa quy hoạch
9	Chợ Xuân Báo	Ấp Tân Hạnh, xã Xuân Báo	37	112	A162		X		12.200	2005			Xã hội hóa	Chợ xã điểm đang lập dự án, Đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
10	Chợ Ấp 1 Xuân Đường	Ấp 1, xã Xuân Đường			A163		X		5.000	2005			Xã hội hóa	Chợ tạm, đề nghị xóa bỏ quy hoạch
11	Chợ Ấp 3 Thửa Đức	Ấp 3, xã Thửa Đức			A165		X		3.300	2008			Xã hội hóa	Chợ tạm, chưa xây dựng để nghỉ xóa quy hoạch
12	Chợ Xuân Quê	Ấp 2, xã Xuân Quê	14	646	A167		X		3.463	2008			Xã hội hóa	Chợ tạm, dự án Lifesap chuẩn bị xây dựng khu vực sống
13	Chợ Lâm Sơn	Ấp 1, xã Lâm Sơn	15	5	A168		X		1.850	2005			Xã hội hóa	Chợ tạm, chưa xây dựng
14	Chợ Nhân Nghĩa	Ấp 3, xã Nhân Nghĩa	20	126	A169		X		2.132	2008	2008		Xã hội hóa	HTX Nhân Nghĩa, chợ tạm, chưa xây dựng
15	Chợ Sông Nhạn	Ấp 61, xã Sông Nhạn			A170		X		300	2008			Xã hội hóa	Chợ tạm, chưa xây dựng để nghỉ xóa quy hoạch
16	Chợ Suối Nhất	Ấp Suối Nhất, xã Xuân Đông			B53		X		10.000		2014		Xã hội hóa	Tiếp tục đi dôi, giải tỏa, xóa quy hoạch
XI HUYỆN LONG THÀNH														
1	Chợ Long Thành	Khu Cầu Xéo, thị trấn Long Thành	27	3330,3333	A172	X			72.376	2014		129,864	Doanh nghiệp	Cty D2D đầu tư và quản lý
2	Chợ Phước Thái	Ấp 1C, xã Phước Thái	10	154	A174		X		1.931		1999	1.000	NSNN	
3	Chợ và khu phố chợ Long Phú	Xã Phước Thái	7	291-296, 376,380,480	A175		X		24.504	2005		14.800	NSNN	Chợ đã xây dựng xong nhưng chưa hoạt động; đề nghị chuyển đổi công năng, xóa QH.
4	Chợ Ấp 4 Tam An	Ấp 4, xã Tam An	43	183	A180		X		3.000	2014		79	Xã hội hóa	Chợ tạm
5	Chợ Long An	Ấp 4, xã Long An			A185		X		250	2000			Xã hội hóa	Đi dôi về Khu TDC Ấp 2, xã Long An. Chợ xã điểm
6	Chợ Phước Bình	Ấp 2, xã Phước Bình	31	124	A186		X		3.000	2004		600	Doanh nghiệp	Cty Đông Hải đầu tư quản lý (Giữ nguyên hiện trạng và tiếp tục hoạt động)

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
7	Chợ An Bình	Ấp 8, xã An Phước	3	08.205.206	A188			X	2.666		2010	2.485	Doanh nghiệp	DNTN Long Thịnh đầu tư và quản lý
8	Chợ Cẩm Dương	Ấp Cẩm Dương, xã Cẩm Dương	2	544	A193			X	2.915	2007			Xã hội hóa	Chợ tạm, đang kêu gọi đầu tư xây dựng
9	Chợ Suối Quy/	Ấp Suối Quy/, xã Cẩm Dương	3	773	B61			X	4.633	1994			Xã hội hóa	Chợ tự phát, di dời 1 phần về chợ Phước Thái, phần còn lại không vì phạm thành lang an toàn giao thông làm điểm kinh doanh.
10	Chợ Long Phú (tạm)	Ấp Long Phú, xã Phước Thái			B34			X	1.189	1975			Xã hội hóa	Chợ tạm, đang kêu gọi đầu tư xây dựng. Di dời về ấp 6, xã Tân Hiệp
11	Chợ Tân Hiệp	Ấp 6, xã Tân Hiệp	31	148	B55			X	2.892	1974		600	Xã hội hóa	Di dời về ấp 6, xã Tân Hiệp
12	Chợ An Viễn	Ấp An Viễn, xã Bình An	11	92	B36			X	6.906	1982			Xã hội hóa	Di dời về khu thương mại
13	Chợ Bình Sơn	Ấp 3, xã Bình Sơn	7	391	B57			X	1.823	1999		300	Xã hội hóa	Bất công. Di dời về ấp 10, xã Bình Sơn
14	Chợ Phước Hòa	Xã Long Phước	59	40	B62			X	1.600	1995			Xã hội hóa	Di dời về phố chợ Phước Hòa mới; Chợ xã điểm
TỔNG CỘNG (CHỢ QUY HOẠCH)					169		8	32	129	645.910		787.600		



**BẢNG SÁCH CHỢ CHƯA TÒ CHỨC THỰC HIỆN THEO
QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CHỢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
ĐẾN NGÀY 31/12/2014**

(Kèm theo Quyết định số 319.../QĐ-UBND ngày 04.1.02/2015
của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên chợ	Địa chỉ	Mã số quy hoạch (cũ)	Phân hạng chợ	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
I	<u>Thành phố Biên Hòa</u>	7			
1	Chợ An Bình (mới)	Khu phố 1, phường An Bình	A11	Hạng 2	Chưa xây dựng
2	Chợ khu phố 7 Tân Biên	Khu phố 7, Phường Tân Biên	A15	Hạng 3	Chưa xây dựng
3	Chợ khu phố 2 Long Bình	Khu phố 2, Phường Long Bình	A21	Hạng 3	Chưa xây dựng
4	Chợ Thống Nhất	Phường Thống Nhất	A26	Hạng 3	Chưa xây dựng
5	Chợ Long Hưng	Áp An Xuân, xã Long Hưng	A177	Hạng 3	Chưa xây dựng
6	Chợ Tam Phước	Xã Tam Phước	A181	Hạng 3	Chưa xây dựng
7	Chợ Phước Tân	Áp Tân Cang, xã Phước Tân	A190	Hạng 3	Chưa xây dựng
II	<u>Huyện Trảng Bom</u>	1			
1	Chợ Bờ Hồ	Thị trấn Trảng Bom	A33	Hạng 3	Chưa xây dựng
III	<u>Huyện Thống Nhất</u>	1			
1	Chợ Thanh Sơn	Áp Thanh Sơn, xã Quang Trung	A50	Hạng 2	Chưa xây dựng
IV	<u>Huyện Định Quán</u>	1			
V	<u>Huyện Tân Phú</u>	7			
1	Chợ Thị Trấn Tân Phú	Thị Trấn Tân Phú	A61	Hạng 1	Chưa xây dựng
2	Chợ Tà Lài	Xã Tà Lài	A70	Hạng 3	Chưa xây dựng
3	Chợ Thanh Sơn	Xã Thanh Sơn	A71	Hạng 3	Chưa xây dựng
4	Chợ 142	Xã Phú An	A72	Hạng 3	Xây dựng chưa xong
5	Chợ Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh	A73	Hạng 3	Chưa xây dựng
6	Chợ Phú Trung	Xã Phú Trung	A74	Hạng 3	Chưa xây dựng
7	Chợ Phú Thanh	Xã Phú Thanh	A75	Hạng 3	Chưa xây dựng
VI	<u>Thị Xã Long Khánh</u>	5			
1	Chợ Suối Tre	Xã Suối Tre	A101	Hạng 3	Chưa xây dựng

1	2	3	4	5	6
2	Chợ Bàu Sen	Xã Bàu Sen	A104	Hạng 3	Chưa xây dựng
3	Chợ Bàu Trâm	Xã Bàu Trâm	A105	Hạng 3	Chưa xây dựng
4	Chợ Phú Bình	Phường Phú Bình	A106	Hạng 3	Chưa xây dựng
5	Chợ Xuân Hòa	Phường Xuân Hòa	A107	Hạng 3	Chưa xây dựng
VII	<u>Huyện Xuân Lộc</u>	4			
1	Chợ Ấp 2 Xuân Tâm	Ấp 2, xã Xuân Tâm	A110	Hạng 2	Chưa xây dựng
2	Chợ Bình Xuân	Ấp Bình Xuân, Xã Xuân Phú	A117	Hạng 3	Chưa xây dựng
3	Chợ Suối Cao	Ấp Giá Ty, xã Suối Cao	A126	Hạng 3	Chưa xây dựng
4	Chợ Trảng Táo	Xã Xuân Tân	A128	Hạng 3	Chưa xây dựng
VIII	<u>Huyện Vĩnh Cửu</u>	3			
1	Chợ Trị An	Ấp 1, xã Trị An	A135	Hạng 3	Chưa xây dựng
2	Chợ Thiện Tân	Ấp 6-7, xã Thiện Tân	A137	Hạng 3	Chưa xây dựng
3	Chợ Tân An	Ấp 2, xã Tân An	A138	Hạng 3	Chưa xây dựng
IX	<u>Huyện Nhơn Trạch</u>	1			
1	Chợ Ấp 3 Hiệp Phước (Dân Xuân)	Ấp 3, Xã Hiệp Phước	A147	Hạng 1	Chưa xây dựng
X	<u>Huyện Cẩm Mỹ</u>	5			
1	Chợ Bê Bạc	Xã Xuân Đông	A156	Hạng 3	Chưa xây dựng
2	Chợ Cọ Dầu	Xã Xuân Đông	A158	Hạng 3	Chưa xây dựng
3	Chợ Ấp 2 Xuân Đường	Ấp 2, Xã Xuân Đường	A164	Hạng 3	Chưa xây dựng
4	Chợ Ấp 4 Thừa Đức	Ấp 4, Thừa Đức	A166	Hạng 3	Chưa xây dựng
5	Chợ Long Giao	Xã Long Giao	A171	Hạng 3	Chưa xây dựng
XI	<u>Huyện Long Thành</u>	10			
1	Chợ Trái cây Long Đức	Xã Long Đức	A178	Hạng 3	Chưa xây dựng
2	Chợ Lộc An	Ấp Bình Lâm, xã Lộc An	A179	Hạng 3	Chưa xây dựng
3	Chợ Tân Hiệp	Ấp 6, xã Tân Hiệp	A182	Hạng 3	Chưa xây dựng
4	Chợ An Viễn	Ấp An Viễn, Xã Bình An	A183	Hạng 3	Chưa xây dựng
5	Chợ Bình Sơn	Xã Bình Sơn	A184	Hạng 3	Chưa xây dựng
6	Chợ Ấp 6 Phước Bình	Ấp 6, Xã Phước Bình	A187	Hạng 3	Chưa xây dựng
7	Chợ Ấp 1 Bàu Cạn	Ấp 1, Xã Bàu Cạn	A191	Hạng 3	Chưa xây dựng
8	Chợ Ấp 6 Bàu Cạn	Ấp 6, Xã Bàu Cạn	A192	Hạng 3	Chưa xây dựng
9	Chợ Suối Quýt	Ấp Suối Quýt, xã Cẩm Đường	A194	Hạng 3	Chưa xây dựng
10	Chợ Phước Hòa	Xã Long Phước	A195	Hạng 3	Chưa xây dựng
<i>Tổng cộng:</i>		45			



Phụ lục III

DANH SÁCH CHỢ ĐÊM ĐANG HOẠT ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI ĐẾN NGÀY 31/12/2014
(Kèm theo Quyết định số 3.4.9.../QĐ-UBND ngày 04/02/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên chợ	Địa chỉ	Diện tích (m ²)	Năm hình thành	Số điểm kinh doanh đang hoạt động	Ghi chú
1	Chợ đêm Biên Hùng	Khu phố 3, phường Trung Dũng, thành phố Biên Hòa	1.395	2005	155	Công ty TNHH MTV Dịch vụ môi trường đô thị Đồng Nai đầu tư và quản lý
2	Chợ đêm Trảng Bom	Thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom	4.200	2010	90	HTX Trảng Bom đầu tư và quản lý
3	Chợ đêm Định Quán	Thị trấn Định Quán, huyện Định Quán		2013	50	Hợp tác xã TMDV Phú Lợi đầu tư và quản lý
4	Chợ đêm Long Khánh	Phường Xuân An, thị xã Long Khánh		2013		
5	Chợ đêm Hiệp Phước	Đường số 3, Xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch	3.000	2.012	80	Công ty TNHH An Việt Tiến đầu tư và quản lý
6	Chợ đêm Long Thành	Khu Phước Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành		2012		Công ty TNHH Long Thành Phú Thịnh đầu tư và quản lý

DANH SÁCH CHỢ, TỰ ĐIỂM KINH DOANH TỰ PHÁT THỰC HIỆN GIẢI TỎA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
(Kèm theo Quyết định số 3.19.../QĐ-UBND ngày 04/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên Chợ	Vị trí	Số điểm KD đang hoạt động	Thời hạn hoàn thành giải tỏa	Ghi chú
I	2	3	4	5	6
I	THÀNH PHỐ BIÊN HÒA	28	1.580		
1	Chợ ngã tư vật liệu xây dựng Phú Thọ	Khu phố 5, phường Trảng Dài	45	3/2015	Di dời vào chợ Trảng Dài (chợ ông Long, hạng 3 được quy hoạch)
2	Chợ E26	Ngã 3 cây xăng E26, phường Tân Phong	120	4/2015	
3	Chợ nhỏ E26	Khu phố 9-11, phường Tân Phong	40	5/2015	Di dời vào chợ Hóc Bà Thước
4	Chợ khu phố 10	Khu phố 10, phường Tân Phong	35	6/2015	
5	Chợ A42	Khu phố 6, phường Trung Dũng	30	7/2015	
6	Chợ Ga	Hẻm 189, khu phố 2, phường Trung Dũng	15	8/2015	Di dời vào chợ Hòa An (sau khi mở rộng)
7	Chợ Đốc Sỏi	Khu phố 5, phường Trung Dũng	50	9/2015	
8	Chợ 935	Trung đoàn 935, phường Trung Dũng	40	10/2015	
9	Chợ khu phố 1	Khu phố 1, phường Tân Hiệp	40	2.016	Di dời vào chợ Tân Hiệp (sau khi xây dựng xong)
10	Chợ khu phố 5	Khu phố 5, phường Tân Hiệp	45	2.016	
11	Chợ Bờ sông	Bến đò kho, khu phố 1, phường An Bình	30	2/2016	
12	Chợ liên khu phố 3-5	Khu phố 3-5, phường An Bình	100	3/2016	Di dời vào chợ An Bình (chợ hạng 2)
13	Chợ liên khu phố 3-12	Hẻm cơ khí Đồng Nai, phường An Bình	50	4/2016	
14	Chợ Bình Đa	Khu phố 4, phường Bình Đa	20	5/2016	Di dời vào chợ An Bình (chợ hạng 2)

1	2	3	4	5	6
15	Chợ khu phố 5	Khu phố 5, phường Bửu Long	60	6/2016	Đi dời vào chợ khu phố 3 Bửu Long (chợ hàng 3)
16	Chợ khu phố 8	Khu phố 8, phường Long Bình	50	7/2016	Đi dời vào chợ khu phố 3 Long Bình (chợ hàng 3)
17	Chợ khu phố 5A	Khu phố 5A, phường Long Bình	60	8/2016	(chợ hàng 3)
18	Chợ khu phố Thái Hoà	Khu phố Thái Hoà, phường Long Bình Tân	75	9/2016	Đi dời vào chợ khu phố 7 Long Bình (chợ hàng 2)
19	Chợ khu phố 3	Khu phố 3, phường Long Bình Tân	120	10/2016	(chợ hàng 2)
20	Chợ khu phố 2	Khu phố 2, phường Long Bình Tân	95	11/2016	
21	Chợ khu phố 6	Khu phố 6, phường Tam Hiệp	20	2/2017	
22	Chợ khu phố 8	Khu phố 8, phường Tam Hiệp	50	3/2017	Đi dời vào chợ khu phố 6 Tân Biên (chợ hàng 3)
23	Chợ Bùi Đức	Khu phố 2, phường Tam Hoà	35	4/2017	
24	Chợ nhỏ khu phố 4	Khu phố 4, phường Tân Biên	80	5/2017	
25	Chợ Lê Đức	Khu phố 4-5, phường Tân Hoà	60	6/2017	Đi dời vào chợ Thái Bình (chợ hàng 3, sau khi được nâng cấp sửa chữa)
26	Chợ Hòa Bình	Khu phố 6, phường Tân Hoà		7/2017	Đi dời vào chợ Tam Hiệp (chợ hàng 3)
27	Chợ Ngã 5	Ngã 5, phường Tân Mai	40	8/2017	UBND phường tìm vị trí đất, vận động người dân có đất tham gia xây dựng chợ (nếu ổn định sẽ bỏ sung vào quy hoạch)
28	Chợ khu phố 4 Thống Nhất	Khu phố 4, phường Thống Nhất	175	2.018	
II HUYỆN TRẢNG BOM			0		
1	Chợ Công Cty Salim Furniture	KCN Bầu Xéo, xã Sông Trầu	80	2.015	Điểm tự phát - Giải toả
2	Chợ áp Phú Sơn	Áp Phú Sơn, xã Bắc Sơn		2.015	Điểm tự phát - Giải toả
3	Chợ thôn Tây Lạc	Áp Phú Sơn, xã Bắc Sơn		2.015	Điểm tự phát - Giải toả
4	Chợ áp Sông Mây	Áp Sông Mây, xã Bắc Sơn		2.015	Điểm tự phát - Giải toả
5	Chợ trên tuyến đường 767	Áp An Chu, Xã Bắc Sơn		2.015	Điểm tự phát - Giải toả
6	Chợ Sai Quất	Áp Ngủ Phúc, xã Hồ Nai 3		2.015	Điểm tự phát - Giải toả
III HUYỆN THỐNG NHẤT			190		
1	Chợ Phát Hải	Xã Gia Kiêm	120	2.015	Điểm tự phát - Giải toả
2	Chợ Bạch Lâm	Xã Gia Tân 3	60	2.015	Điểm tự phát - Giải toả
3	Chợ Chiêu Hưng Lộc	Xã Hưng Lộc	10	2.015	Điểm tự phát - Giải toả
IV HUYỆN ĐỊNH QUẢN			15		
1	Chợ nhóm Hoàng Hoa Thám	Thị trấn Định Quản	15	2.015	Đi dời vào chợ ngã 3 Gia Canh



**DANH SÁCH CHỢ THỰC HIỆN DI DỜI, GIẢI TỎA, XÓA BỎ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
ĐẾN 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025**

Kèm theo Quyết định số 3.A.9.../QĐ-UBND ngày 14.1.2.../2015 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên Chợ	Địa chỉ	Di dời		Xóa quy hoạch (giải tỏa)	Ghi chú
			Mã số quy hoạch (cũ)	Mã số di dời đến (quy hoạch mới)		
1	2	3	4	5	6	7
I	THÀNH PHỐ BIÊN HÒA					
1	Chợ Sắt	Khu phố 1, phường Tân Biên	B1	C2		Giải tỏa, di dời về chợ Tân Biên
2	Chợ Tân Hiệp	Khu phố 2, phường Tân Hiệp	A4	C4		Di dời từ khu phố 2 sang vị trí khu phố 3, phường Tân Hiệp (khu đất đối diện với Cục Thống kê tỉnh Đồng Nai hiện do Công ty Cổ phần Sông Đà – Đồng Nai và Tổng Công ty Tín Nghĩa quản lý)
3	Chợ khu phố 7 Tân Biên	Khu phố 7, phường Tân Biên	A15	C3		Di dời từ khu phố 7 đến khu phố 6, phường Tân Biên
4	Chợ khu phố 7 Long Bình (K888)	Khu phố 7, phường Long Bình	B12	C19		Chợ tạm, hợp ven đường, Di dời vào dự án khu gia đình quân đội, Ban quản lý dự án 45/TKT-BQP
5	Chợ khu phố 3 Long Bình	Khu phố 3, phường Long Bình	A22	C18		Di dời từ khu phố 4-5 sang khu phố 3, phường Long Bình
6	Chợ số 6 Hồ Nai	Khu phố 4, phường Hồ Nai	A25	C21		Di dời đến khu phố 4, phường Hồ Nai
7	Chợ Bến Gỗ	Áp 2, Xã An Hoà	A176	C25		Di dời từ áp 2 đến áp 1, xã An Hòa (gần Trường Nguyễn Thị Sáu)

1	2	3	4	5	6	7
8	Chợ khu phố 2 Long Bình	Khu phố 2, Phường Long Bình			A21	Chưa có chợ
9	Chợ Thông Nhất	Phường Thông Nhất			A26	Chưa có chợ
10	Chợ Tam Phước	Ấp Long Đức 3, xã Tam Phước			A181	Chưa có chợ
11	Chợ Phước Tân	Ấp Tân Cang, Xã Phước Tân			A190	Chưa có chợ
II HUYỆN TRẢNG BOM						
1	Chợ Bờ Hồ	Thị trấn Trảng Bom	A33	A33		Đi dời về vị trí mới, chưa có đất để bố trí quy hoạch
2	Chợ Đồi 61 (cũ)	Xã Đồi 61			A42	Đã xây dựng xong, chưa hoạt động, chuyển dời công năng
III HUYỆN THÔNG NHẤT						
1	Chợ chiều Phan Bội Châu	Ấp Phan Bội Châu, xã Bàu Hàm 2	A59	C60		Đi dời đến ấp Phan Bội Châu, xã Bàu Hàm 2 (từ số 2 thửa 24).
2	Chợ Thanh Sơn	Ấp Thanh Sơn, xã Quang Trung			A50	Giao đất để xây dựng Đồn Công an khu vực 5 xã Kiềm Tân
IV HUYỆN ĐỊNH QUẢN						
1	Chợ bên phà 107	Ấp Hòa Trung, xã Ngọc Định	A93	C86		Đi dời về Trung tâm xã Ngọc Định
2	Chợ Phú Vinh	Ấp 2, xã Phú Vinh			A83	Đã xây dựng xong, hoạt động không hiệu quả, Chuyển dời công năng
3	Chợ 104 Phú Ngọc	Ấp 2, xã Phú Ngọc			A89	Giải tỏa, dời về chợ 105
V HUYỆN TÂN PHÚ						
1	Chợ Phú Diên	Ấp 3, xã Phú Diên	A62	C92		Đi dời đến vị trí mới
2	Chợ Thanh Sơn	Xã Thanh Sơn			A71	Chưa có chợ
VI TX LONG KHÁNH						
1	Chợ Bình Lộc	Ấp 1, xã Bình Lộc	A108	C113		Đi dời đến vị trí mới
VII HUYỆN XUÂN LỘC						
1	Chợ ấp 2 Xuân Tâm	Ấp 2, xã Xuân Tâm			A110	Chưa có chợ
2	Chợ Bình Xuân	Ấp Bình Xuân, xã Xuân Phú			A117	Chưa có chợ
3	Chợ ấp Tam Hiệp	Ấp Tam Hiệp, xã Xuân Hiệp			A124	Chợ tạm, chưa xây dựng

1	2	3	4	5	6	7
4	Chợ Suối Cao	Áp Gia Ty, xã Suối Cao			A126	Chợ tạm, chưa xây dựng
VIII HUYỆN VINH CỨU						
1	Chợ Thạnh Phú	Áp 2, xã Thạnh Phú	A132	C141		Di dời từ áp 2 sang vị trí áp 1, xã Thạnh Phú
2	Chợ Mã Đà	Áp 1, xã Mã Đà	A134	C143		Di dời sang vị trí mới cách chợ hiện hữu 100m
3	Chợ Thiện Tân	Áp 6-7, xã Thiện Tân	A137	C146		Di dời từ áp 6-7 sang vị trí áp Vàm, xã Thiện Tân
4	Chợ Tân An	Áp 2, xã Tân An	A138	C147		Di dời từ áp 2 sang vị trí áp 1, xã Tân An
5	Chợ Vĩnh Tân (cũ)	Áp 2, xã Vĩnh Tân			B47	Giải tỏa, di dời về chợ Vĩnh Tân
IX HUYỆN NHƠN TRẠCH						
			3	3	1	
1	Chợ Phú Thạnh	Áp 1, xã Phú Thạnh	A143	C151		Di dời đến khu quy hoạch hành chính văn hóa giáo dục thể dục thể thao
2	Chợ Phú Hội	Áp Xóm Hố, xã Phú Hội	A150	C162		Di dời đến quy hoạch khu dân cư Phú Hội
3	Chợ Phước An	Áp Bà Trường, xã Phước An	A151	C155		Đã xây dựng mới xong, đang thực hiện di dời - Bà Dung đầu tư
4	Chợ Hiệp Phước	Áp 3, xã Hiệp Phước			B52	Chợ tạm, giải tỏa di dời về chợ Dân Xuân
X HUYỆN CẨM MỸ						
			0	0	11	
1	Chợ Bè Bạc	Xã Xuân Đông			A156	Chưa có chợ
2	Chợ Cọ Dầu	Áp Cọ Dầu, Xã Xuân Đông			A158	Chưa có chợ
3	Chợ áp 10 Xuân Tây	Áp 10, Xã Xuân Tây			A160	Chợ tạm, chưa xây dựng
4	Chợ Nam Hà	Áp Nam Hà, Xã Xuân Bảo			A161	Chợ tạm, chưa xây dựng
5	Chợ áp 1 Xuân Đường	Áp 1 Xã, Xuân Đường			A163	Chợ tạm, chưa xây dựng
6	Chợ áp 2 Xuân Đường	Áp 2 Xã, Xuân Đường			A164	Chưa có chợ
7	Chợ áp 3 Thừa Đức	Áp 3, Xã Thừa Đức			A165	Chợ tạm, chưa xây dựng
8	Chợ áp 4 Thừa Đức	Áp 4, Xã Thừa Đức			A166	Chưa có chợ
9	Chợ Sông Nhan	Áp 61, Xã Sông Nhan			A170	Chợ tạm, chưa xây dựng
10	Chợ Long Giao	Áp Hoàn Quán, Xã Long Giao			A171	Chưa có chợ
11	Chợ Suối Nhất	Áp Suối Nhất, Xã Xuân Đông			B53	Giải tỏa, di dời về chợ Sông Ray

1	2	3	4	5	6	7
XI	HUYỆN LONG THÀNH		5	5	5	
1	Chợ Tam An	Ấp 4, xã Tam An	A180	C180		Di dời từ ấp 4 sang vị trí ấp 5, xã Tam An
2	Chợ Phước Hòa	Ấp Tập Phước, xã Long Phước	A195	C187		Di dời về phố chợ Phước Hòa mới
3	Chợ Long An	Ấp 4, xã Long An	A185	C189		Di dời từ ấp 4 sang vị trí ấp 2, xã Long An (khu tái định cư)
4	Chợ An Viễn	Ấp An Viễn, xã Bình An	A183	C190		Di dời về khu thương mại
5	Chợ Bình Sơn	Ấp 3, xã Bình Sơn	A184	C195		Di dời từ ấp 3 sang vị trí ấp 10, xã Bình Sơn. Đất công
6	Chợ Thị trấn Long Thành	Khu Phước Hải, Thị trấn Long Thành			A173	Đã thực hiện di dời về chợ Long Thành (mới), chuyển đổi công năng, quy hoạch siêu thị
7	Chợ khu phố chợ Long Phú	Xã Phước Thái			A175	Đã xây dựng xong, chưa hoạt động, chuyển đổi công năng
8	Chợ Trái cây Long Đức	Xã Long Đức			A178	Chưa có chợ
9	Chợ ấp 6 Phước Bình	Ấp 6, xã Phước Bình			A187	Chưa có chợ
10	Chợ ấp 1 Bàu Cạn	Ấp 1, xã Bàu Cạn			A191	Chưa có chợ
	TỔNG CỘNG		24	24	31	



DANH SÁCH CHỢ BỔ SUNG QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CHỢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI ĐẾN NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 3.19.../QĐ-UBND ngày 04.10.2015 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên Chợ	Vị trí			Mã số quy hoạch	Hạng chợ quy hoạch			Diện tích quy hoạch (m ²)	Định hướng quy hoạch		Ghi chú
		Địa chỉ	Số tờ	Số thửa		1	2	3		Xây dựng mới	Nâng cấp sửa chữa	
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
I THÀNH PHỐ BIÊN HÒA:												
1	Chợ khu phố 6 Long Bình	Khu phố 6, phường Long Bình	25	88	TH2			X	2.200		2.016	Hoạt động có thời hạn đến năm 2020
II HUYỆN TRẢNG BOM:												
1	Chợ Phú Sơn	Áp Phú Sơn, xã Bắc Sơn	52	103, 466, 309	C35			X	2.548	2014		Đã xây dựng xong, đang hoạt động
2	Chợ Hồ Nai 3	Khu dân cư áp Thanh Hóa, xã Hồ Nai 3	64	222	C48			X	4.660	2014		Đã xây dựng xong
3	Chợ Cây số 9	Áp 3, xã Sông Trầu	18	214	C50			X	1.088	2016		Đất tư nhân
4	Chợ chiều áp Cây Diệp	Áp Cây Diệp, xã Cây Gáo	30	98	C52			X	1.796	2016		Đất tư nhân
III HUYỆN THỔNG NHẤT:												
1	Chợ Bạch Lâm	Áp Bạch Lâm 2, xã Gia Tân 2	21	120, 121, 122, 123	C54			X	2.430	2015		Chợ xã diêm, đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
2	Chợ Tin Nghĩa	Áp Tin Nghĩa, xã Xuân Thiện	15	258	C62			X	10.000	2020		Quyết định số 3689/QĐ-UBND ngày 25/10/2005 của UBND tỉnh Đồng Nai
3	Chợ Hưng Hiệp	Áp Hưng Hiệp, xã Hưng Lộc			C66			X	3.000	2020		Đề án nông thôn mới (Khu dân cư B1)
4	Chợ Hưng Nghĩa	Áp Hưng Nghĩa, xã Hưng Lộc	29	100	C67			X	440		2018	Hội Cựu chiến binh xã quản lý. Chợ xã diêm, đề nghị hỗ trợ kinh phí để sửa chữa
5	Chợ Thống Nhất (chợ khu phố chợ)	Khu Trung tâm hành chính huyện, xã Xuân Thạnh			C70		X		19.670	2015		Quyết định 2148/QĐ-UBND ngày 04/7/2008 và Quyết định 2647/QĐ-UBND ngày 13/10/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
IV HUYỆN BÌNH QUẬN:												
1	Chợ Ấp 5 Suối Đức	Ấp 5, xã Thanh Sơn	38	75	C83	0	0	X	3.000	2016		
2	Chợ Ngọc Định (Trung tâm xã)	Ấp Hòa Thành, xã Ngọc Định	20	137, 199	C87			X	14.840	2016		
V HUYỆN TÂN PHÚ:												
1	Chợ Trà Cỏ	Ấp 5, xã Trà Cỏ	15	107, 108, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 17	C105			X	3.093	2016		Đang hoạt động
VI THỊ XÃ LONG KHÁNH:												
1	Chợ Phú Mỹ	Ấp Phú Mỹ, xã Xuân Lập	20	53	C120			X	329	2018		Đề án nông thôn mới
VII HUYỆN XUÂN LỘC:												
			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
VIII HUYỆN VINH CỬU:												
1	Chợ Ấp 3 (Chợ Bình Lợi)	Ấp 3, xã Bình Lợi	11	151	C148			X	3.022		2016	
2	Chợ Bình Hòa	Ấp Bình Thạch, xã Bình Hòa			C149			X	3.000		2020	
IX HUYỆN NHƠN TRẠCH:												
1	Chợ Phước An (núi)	Ấp Bà Trương, xã Phước An	58	114, 118, 119, 120	C156			X	48.000	2015		
2	Chợ Long Tân	Ấp Vinh Tuy, xã Long Tân	36	62	C159			X	2.000	2020		
3	Chợ Đoàn Kết	Ấp Đoàn Kết, xã Vinh Thành	58	184	C165			X	800	2016		
X HUYỆN CẨM MỸ:												
			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
XI HUYỆN LONG THÀNH:												
1	Chợ Ấp 1 Tam An	Ấp 1, xã Tam An	12	188	C179			X	5.000	2016		Đất của các hộ dân đang quản lý sử dụng
2	Chợ Ấp 2 Bàu Cạn	Ấp 2, xã Bàu Cạn	28	201	C184			X	900		2020	Hộ Trần Xuân Cảnh đầu tư, chưa hoạt động.
3	Chợ Ấp 8 Bàu Cạn	Ấp 8, xã Bàu Cạn	48	38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47	C186			X	922	2016		Đất tư nhân
4	Chợ Long Đức (khu phố chợ)	Khu 12, xã Long Đức	3	21	C188			X	20.000	2016		Đất do Cty Cao Su Đông Nai quản lý, sử dụng
5	Chợ Ấp 8 Bình Sơn	Ấp 8, xã Bình Sơn	6	5, 6	C194			X	23.000	2016		Đất do Cty Cao Su Đông Nai quản lý, trong khu Tái định cư Bình Sơn
TỔNG CỘNG			20	20	23	0	1	22	172.645	18	5	

**QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN CHỢ ĐÀU MỐI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
ĐẾN NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025**

Xem theo Quyết định số 3.A.9.../QĐ-UBND ngày 04/02.../2015 của UBND tỉnh Đồng Nai



STT	Tên Chợ	Vị trí	Mã số quy hoạch	Năm đầu tư	Ghi chú
1	Chợ đầu mối rau quả Biên Hòa trên cơ sở phát triển chợ đêm Tân Biên	Thành phố Biên Hòa	CM1	2018-2020	
2	Chợ đầu mối nông sản cho cụm Tân Phú, Định Quán, Thống Nhất	Huyện Thống Nhất	CM2	2018-2020	
3	Chợ đầu mối nông sản - trái cây cho cụm Xuân Lộc, Long Khánh, Cẩm Mỹ	Thị xã Long Khánh	CM3	2021-2025	
4	Chợ đầu mối nông sản tổng hợp thị trấn Long Thành, huyện Long Thành	Huyện Long Thành	CM4	2021-2025	

I	2	3	4	5	6
V	HUYỆN TÂN PHÚ	2	217		
1	Chợ nhóm khu 11 thị trấn Tân Phú	Khu 11, thị trấn Tân Phú	20	2.015	Di dời vào khu đất trống của hộ gia đình Bà Lan
2	Chợ Trà Cỏ	Khu 5, thị trấn Tân Phú	217	2.016	Di dời vào chợ Tân Phú (sau khi xây dựng xong)
VI	THỊ XÃ LONG KHÁNH	3	190		
1	Chợ Xuân An	Nguyễn Văn Cừ, phường Xuân An	90	2.016	Di dời vào chợ Xuân Hòa (sau khi xây dựng xong)
2	Chợ Xuân Hòa	Nguyễn Văn Cừ, phường Xuân Hòa	85	2.016	Di dời vào chợ Xuân Hòa (sau khi xây dựng xong)
3	Chợ Phú Bình	Khu phố 2, phường Phú Bình	15	2.016	
VII	HUYỆN XUÂN LỘC	3	0		
1	Chợ tại ấp Trung Tín	Tỉnh lộ 766, ấp Trung Tín, xã Xuân Trường		2.015	Điểm tự phát - Giải toà
2	Chợ tự phát tại ấp Bảo Định	Ấp Bảo Định, xã Xuân Định		2.015	Di dời hộ kinh doanh vào chợ Xuân Định
3	Chợ tự phát ấp 3 Xuân Hòa	Quốc lộ 1A, ấp 3, Xuân Hòa		2.016	Điểm tự phát - Giải toà
VIII	HUYỆN VINH CỨU	2	250		
1	Chợ Cty Changshin	Ấp 1, xã Thanh Phú	200	2.015	Điểm tự phát - Giải toà
2	Chợ Ấp 3 Vĩnh Tân	Tỉnh lộ 767, ấp 3, xã Vĩnh Tân	50	2.015	Điểm tự phát - Giải toà
IX	HUYỆN NHƠN TRẠCH	14	401		
1	Chợ chiếu Phú hội	Ấp Xóm Hố, xã Phú Hội	23	2.017	Điểm tự phát, di dời hộ kinh doanh vào chợ Phú Hội
2	Chợ Vĩnh Tuy	Ấp Vĩnh Tuy, xã Long Tân	26	2.020	Điểm tự phát, di dời hộ kinh doanh vào chợ Long Tân
3	Chợ Bình Phú	Ấp Bình Phú, xã Long Tân	31	2.020	Điểm tự phát, di dời hộ kinh doanh vào chợ Phước An
4	Chợ Vung Gám	Xã Phước An	37	2.019	
5	Chợ Cầu Kê	Xã Phú Hữu	12	2.015	Điểm tự phát - Giải toà
6	Chợ Phước Lý	Xã Đại phước	16	2.015	Điểm tự phát - Giải toà
7	Chợ Bến Cam đường 319	Xã Phước Thiện	40	2.015	Điểm tự phát - Giải toà
8	Chợ Bến Cam đường 25B	Xã Phước Thiện	20	2.015	Điểm tự phát - Giải toà
9	Chợ Khu B	Xã Phước Thiện- xã Hiệp Phước	45	2.015	Điểm tự phát - Giải toà

1	2	3	4	5	6
10	Chợ IDICO	Xã Hiệp Phước	60	2.015	Điểm tự phát - Giải toả
11	Chợ Thành Công	Xã Vĩnh Thạnh	30	2.015	Điểm tự phát - Giải toả
12	Chợ Đại Thắng	Xã Vĩnh Thạnh	30	2.015	Điểm tự phát - Giải toả
13	Chợ Hòa Bình cũ	Xã Vĩnh Thạnh	11	2.015	Điểm tự phát - Giải toả
14	Chợ Cây Diệp	Xã Phú Thạnh	20	2.019	Điểm tự phát, di dời hệ kinh doanh vào chợ Phú Thạnh
X	HUYỆN CẨM MỸ		0		
1	Chợ liên ấp Suối Râm- Suối Cả	Xã Long Giao		2.015	Di dời hệ kinh doanh vào chợ Cẩm Mỹ
2	Chợ ấp 3 Sông Ray	Xã Sông Ray		2.015	Di dời hệ kinh doanh vào chợ Sông Ray
3	Chợ ấp 5 Lâm Sơn	Xã Lâm Sơn		2.015	Di dời hệ kinh doanh vào chợ Lâm Sơn
4	Chợ ấp Tân Xuân	Xã Bảo Bình		2.015	Di dời hệ kinh doanh vào chợ Bảo Bình
XI	HUYỆN LONG THÀNH		159		
1	Chợ nhóm Vân Hải	Thị trấn Long Thành	30	2.015	Điểm tự phát - Giải toả
2	Chợ nhóm Long Đức	Xã Long Đức	10	2.015	Điểm tự phát - Giải toả
3	Chợ ấp 1 Phước Nguyễn	Xã An Phước	7	2.015	Điểm tự phát - Giải toả
4	Chợ nhóm ấp 5 An Phước	Xã An Phước	7	2.015	Điểm tự phát - Giải toả
5	Chợ nhóm ấp 4 Long An	Xã Long An	20	2.015	Điểm tự phát - di dời hệ kinh doanh vào chợ chợ ấp 4 xây dựng mới
6	Chợ nhóm ấp 1 Bầu Cạn	Xã Bầu Cạn	35	2.015	Điểm tự phát - di dời hệ kinh doanh vào chợ chợ ấp 2 xây dựng mới
7	Chợ nhóm ấp 6 Bầu Cạn	Xã Bầu Cạn		2.019	Điểm tự phát - di dời hệ kinh doanh vào chợ chợ ấp 6 xây dựng mới
8	Chợ nhóm ấp 7 Bầu Cạn	Xã Bầu Cạn	10	2.015	Điểm tự phát - Giải toả
9	Chợ nhóm ấp 8 Bầu Cạn	Xã Bầu Cạn	20	2.015	Điểm tự phát - di dời hệ kinh doanh vào chợ chợ ấp 8 xây dựng mới
10	Chợ Xóm Gốc	Xã Long An	20	2.015	Điểm tự phát - Giải toả
TỔNG CỘNG			76		3.002



DANH SÁCH CHỢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI HOẠT ĐỘNG TẠM THỜI ĐẾN NĂM 2020

Kèm theo Quyết định số 2.1.9/08-UBND ngày 04/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai

STT	Tên Chợ	Vị trí		Đang hoạt động	Mã số (cũ)	Mã số (mới)	Chợ hạng 3	Diện tích (m ²)	Dự kiến mô hình quản lý và khai thác chợ	Ghi chú
		Địa chỉ	Số từ							
I	THÀNH PHỐ BIÊN HÒA									
1	Chợ Thánh Tâm	Khu phố 1, phường Tân Hòa		X	B8	TH1	X	200	BQL	
2	Chợ khu phố 6 Long Bình	khu phố 6, phường Long Bình	25		Chưa MS	TH2	X	2.200	DN	Chợ bổ sung quy hoạch hoạt động có thời hạn
3	Chợ Hội Am	Khu phố 9, phường Hồ Nai		X	B22	TH3	X	200	BQL	
4	Chợ Ký Niệm	Khu phố 3, phường Trung Dũng		X	B19	TH4	X	500	BQL	
5	Chợ Lò Bò	Khu phố 3, phường Thanh Bình		X	B20	TH5	X	0	BQL	Di dời vào chợ Hòa An (sau khi mở rộng)
6	Chợ ngã ba Thanh Hóa	Khu phố 4, phường Trảng Dài		X	Chưa MS	TH6	X	1.200	DN	
7	Chợ ông Cát	Khu phố 5, phường Trảng Dài		X	Chưa MS	TH7	X	1.000	DN	
8	Chợ Cây Chàm	Khu phố 3, phường Quang Vinh		X	B25	TH8	X	650	BQL	
9	Chợ Hương Phước	Áp Hương Phước, xã Phước Tân	74	X	Chưa MS	TH9	X	546	DN	
	CỘNG			8	9	9	9	6.496		



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

Phụ lục VIII

**BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CHỢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
ĐẾN NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 3.191/QĐ-UBND ngày 04/10/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên Chợ	Tổng số quy hoạch	Hạng chợ quy hoạch			Diện tích quy hoạch (m ²)	Định hướng quy hoạch				Dự kiến vốn đầu tư (trệu đồng)	Ghi chú
			1	2	3		Xây dựng mới	Nâng cấp sửa chữa	Di dời	Giải tỏa		
1	Thành phố Biên Hòa	37	3	9	25	99.174	8	20	7	13	259.480	
2	Huyện Trảng Bom	24	0	6	18	74.153	11	13	1	1	91.936	
3	Huyện Thống Nhất	18	0	4	14	57.445	9	9	1	1	114.400	Số lượng chợ truyền thống nêu trên chưa kể chợ đầu mối
5	Huyện Định Quán	19	0	2	17	111.680	8	11	1	2	75.400	
4	Huyện Tân Phú	16	2	0	14	78.937	8	8	1	1	69.550	
6	Thị xã Long Khánh	15	1	0	14	21.825	8	7	1	0	33.020	
7	Huyện Xuân Lộc	16	0	5	11	71.592	2	14	0	4	69.550	
8	Huyện Vĩnh Cửu	13	0	3	10	115.422	4	8	4	1	15.500	
9	Huyện Nhơn Trạch	16	2	2	12	90.507	10	6	3	1	208.034	
10	Huyện Cẩm Mỹ	10	2	0	8	73.912	5	5	0	11	68.380	
11	Huyện Long Thành	20	1	1	18	151.577	15	5	5	5	57.200	
Tổng cộng:		204	11	32	161	946.223	88	106	24	40	1.067.100	



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CHỢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 3.4.9.../QĐ-UBND ngày 04/10/2015 của UBND tỉnh Bình Dương)

Phụ lục X

STT	Tên chợ	Vị trí		Số tờ	Số thửa	Đang hoạt động tại vị trí mới	Mã quy hoạch (cũ)	Mã quy hoạch (mới)	Hạng chợ quy hoạch			Diện tích quy hoạch (m ²)	Định hướng quy hoạch		Số điểm kinh doanh đang hoạt động	Số điểm kinh doanh thiết kế	Dự kiến vốn đầu tư (triệu đồng)	Dự kiến nguồn vốn đầu tư	Ghi chú	
		Địa chỉ	Số 3						Số 4	Số 5	Số 6		Số 7	Số 8						Số 9
I. THÀNH PHỐ BIÊN HÒA																				
1	Chợ Biên Hòa	Khu phố 1, phường Thanh Bình		15	5	X	A1	C1	X		8.179		2020	7	936	968	3.000	XH hóa		
2	Chợ Tân Biên	Khu phố 5A, phường Tân Biên		49	155	X	A2	C2	X		7.306		2018	2015	314	675	2.000	DN		
3	Chợ khu phố 6 Tân Biên	Khu phố 6, phường Tân Biên					A15	C3			3.000	X	2016			200	4.000	XH hóa		
4	Chợ Tân Hiệp	Khu phố 3, phường Tân Hiệp		18	18		A4	C4	X		7.000		2014	2015	495	667	105.000	XH hóa		
5	Chợ Tân Mai	Khu phố 4, phường Tân Mai		18	41	X	A8	C5	X		1.142		2016	2015	212	212	2.000	DN		
6	Chợ Tân Phong	Khu phố 2, phường Tân Phong		52	145	X	A5	C6	X		1.286		2015	2015	204	204	1.000	XH hóa		
7	Chợ Tam Hòa	Khu phố 1, phường Tam Hòa		335-2	13, 17	X	A3	C7	X		4.520		2015	2015	232	232	2.000	HTX		
8	Chợ Bàu Hòa	Áp Tân Bình, phường Bàu Hòa		21	120	X	A7	C8	X		862		2016	2016	182	186	2.000	DN		
9	Chợ Khu dân cư Bình Long	Khu phố 1, phường Bình Long		74	571	X	A10	C9	X		1.625		2020	2020	40	280	1.500	DN		
10	Chợ Khu phố 3 Bình Long	Khu phố 3, phường Bình Long		13	257	X	A16	C10	X		1.300	X	2018	2018	120	400	2.000	XH hóa		
11	Chợ Long Bình Tân	Khu phố 1, phường Long Bình Tân		6	122	X	A6	C11	X		2.800		2016	2016	335	340	2.000	HTX		
12	Chợ An Bình (mới)	Khu phố 1, phường An Bình					A11	C12	X		3.000		2016	2016	95	101	500	XH hóa		
13	Chợ An Bình	Khu phố 4, phường An Bình		30	26	X	A12	C13	X		792		2016	2016	40	40	300	XH hóa		
14	Chợ Tân Tiến	Khu phố 6, phường Tân Tiến		6	1.149c	X	A13	C14	X		500		2016	2015	140	155	2.000	XH hóa		
15	Chợ Tam Hiệp	Khu phố 9, phường Tam Hiệp		44	21	X	A14	C15	X		647		2015	2016	70	200	4.000	DN		
16	Chợ Tân Vạn	Phường Tân Vạn					A19	C16	X		3.000		2015	2015	110	120	3.000	XHH		
17	Chợ Thái Bình	Khu phố 7, phường Tân Hòa		35	247	X	A17	C17	X		1.371		2015	2015	115	190	5.000	DN		
18	Chợ Khu phố 3 Long Bình	Khu phố 3, phường Long Bình		15	21, 51	X	A22	C18	X		3.000		2016	2016	65	380	8.000	BQP		
19	Chợ Khu phố 7 Long Bình	Khu phố 7, phường Long Bình		14	123	X	A21	C19	X		7.300		2017					DN		
20	Chợ Hàng Dầu	Khu phố 2, phường Quyết Thắng		21	119, 120	X	A24	C20	X		155		2016	2016	60	50	200	HTX		
21	Chợ số 6 Hồ Nai	Khu phố 4, phường Hồ Nai		21	61	X	A25	C21	X		2.500		2015	2016	165	190	3.000	DN		
22	Chợ Trưng Dài	Khu phố 3, phường Trưng Dài		21	108	X	A23	C22	X		3.500		2018	2018	15	200	1.000	DN		
23	Chợ Hòa An	Áp An Hòa, xã Hòa An					A9	C23	X		12.000		2016	2016	393	650	15.000	DN		
24	Chợ Tân Hạnh	Áp 1B, xã Tân Hạnh		13	34	X	A20	C24	X		1.822		2016	2016	100	150	2.000	DN		
25	Chợ Bến Gỗ	Áp 1, xã An Hòa		35	215	X	A176	C25	X		3.000		2015	2016	60	200	4.000	DN		
26	Chợ Hiệp Hòa	Áp Nhứt Hòa, xã Hiệp Hòa		65, 78	40	X	A18	C26	X		3.982		2018	2018	100	200	3.000	DN		
27	Chợ Long Hưng	Áp Phước Hội, xã Long Hưng					A177	C27	X		3.000		2015	2015	60	200	6.000	DN		
28	Chợ Tân Mai 2	Áp Tân Mai, xã Phước Tân		96	14, 17	X	A189	C28	X		2.089		2015	2015	160	200	3.000	XH hóa		
II. HUYỆN TRẢNG BÒM																				
1	Chợ Trảng Bòm	Khu phố 1, thị trấn Trảng Bòm		25	10	X	A30	C29	X		4.200		2018	2018	220	220	2.500	XH hóa		
2	Chợ Bờ Hồ	Thị trấn Trảng Bòm					A33	C30	X				2016	2017	150	325	XH hóa			
3	Chợ Trà cổ	Áp Trà Cổ, xã Bình Minh		21	356	X	A27	C31	X		4.581		2016	2016	270	300	2.000	XH hóa		
4	Chợ Đồng Hòa	Áp Hòa Bình, xã Đồng Hòa		3	223	X	A28	C32	X		3.490		2016	2016	300	300	2.500	XH hóa		
5	Chợ An Châu	Áp Bui Châu, xã Bắc Sơn		38	15	X	A29	C33	X		2.340		2015	2015	350	350	1.000	DN		
6	Chợ Sông Mây	Áp Sông Mây, xã Bắc Sơn		13	114, 113, 115	X	A197	C34	X		7.000		2015	2015	120	250	7.235	DN		
7	Chợ Phú Sơn	Áp Phú Sơn, xã Bắc Sơn		52	103, 466, 309	X	Chưa MS	C35	X		2.548		2014	2018	150	150	2.500	DN		
8	Chợ Khu công nghiệp	Áp Sông Mây, xã Bắc Sơn		25	99	X	A32	C36	X		2.818		2018	2018	268	300	3.000	DN		
9	Chợ Giang Điền	Áp Xây dựng, xã Giang Điền		3	190	X	A40	C37	X		2.961		2018	2018	165	200	2.000	XH hóa		
10	Chợ Lạc Hòa	Áp Lạc Hòa, xã Tây Hòa		19	281, 327	X	A38	C38	X		1.211		2016	2016	180	170	500	XH hóa		
11	Chợ Đồi 61 (Mới)	Áp Tân Thịnh, xã Đồi 61		20	2	X	A42	C39	X		5.000		2017	2017	35	135	2.510	XH hóa		
12	Chợ Quảng Biên	Áp Quảng Biên, xã Quảng Tiến		5	210	X	A37	C40	X		3.458		2015	2015	180	180	5.325	DN		

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
13	Chợ Sông Thao	Ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	32	203	X	A39	C41		X		2.002		2016		95	100	1.500	XH hóa	
14	Chợ An Viên	Ấp 3, xã An Viên	6	19A, 19, 20, 21	X	A41	C42		X		8.275	2015			120	150	4.520	DN	
15	Chợ Bàu Hàm	Ấp Tân Hòa, xã Bàu Hàm	29	294	X	A44	C43		X		1.212		2017		120	120	850	XH hóa	
16	Chợ Trường An	Ấp Trường An, xã Trường Bình	13	156	X	A45	C44		X		2.167	2015			60	80	2.530	XH hóa	
17	Chợ Hưng Lương	Ấp Hưng Lương, xã Hưng Bình	10	408	X	A34	C45		X		2.222	2015			120	150	7.524	DN	
18	Chợ Hưng Thịnh	Ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	10	100, 102, 103	X	A35	C46		X		3.439	2016			45	135	6.425	DN	
19	Chợ Thành Hóa	Ấp Thành Hóa, xã Hồ Nai 3	64	24	X	A43	C47		X		795,3		2016		165	200	2.000	XH hóa	
20	Chợ Hồ Nai 3	Khu dân cư ấp Thành Hóa, xã Hồ Nai 3	64	222	X	A36	C48		X		4.660	2014			150	200	5.000	DN	Đã xây dựng xong, chưa hoạt động, bổ sung quy hoạch
21	Chợ Sông Trầu	Ấp 2, xã Sông Trầu	36	364	X	A31	C49		X		4.779		2016		110	120	1.000	DN	Cây Địa ốc 9 đầu tư và quản lý
22	Chợ Cây Sỏi	Ấp 3, xã Sông Trầu	18	214	X	A36	C50		X		1.088	2016			100	120	1.200	XH hóa	Đất tư nhân, bổ sung quy hoạch
23	Chợ Cây Gáo	Ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	15	35	X	A36	C51		X		2.908		2014		65	100	2.325	XH hóa	
24	Chợ chợ ấp Cây Diếp	Ấp Cây Diếp, xã Cây Gáo	30	98	X	A36	C52		X		1.796	2016			70	120	1.500	XH hóa	Đất tư nhân, bổ sung quy hoạch
III. HUYỆN THỐNG NHẤT																			
1	Chợ Đắc Mỏ	Ấp Đắc Mỏ 1, xã Gia Tân 1	21	313	X	A46	C53		X		2.959		2016		300	300	2.000	XH hóa	HTX KD TH Đắc Mỏ
2	Chợ Bạch Lâm	Ấp Bạch Lâm 2, xã Gia Tân 2	21	120, 121, 122, 123	X	A48	C54		X		2.930	2015			60	200	8.000	XH hóa	Đề nghị hồ trợ kinh phí để xây mới. Bổ sung quy hoạch
3	Chợ Phúc Nhạc	Ấp Phúc Nhạc, xã Gia Tân 3	38	204	X	A48	C55		X		962		2016		231	250	1.500	XH hóa	HTX KD TH Phúc Nhạc
4	Chợ Nguyễn Huệ	Ấp Nguyễn Huệ, xã Quang Trung	35	249, 254	X	A49	C56		X		1.644	2014			82	150	7.000	DN	HTX Quang Trung: xây dựng mới trên nền chợ cũ hiện hữu và mở rộng diện tích đất (667m ²)
5	Chợ Lê Lợi	Ấp Lê Lợi, xã Quang Trung	49	415	X	A51	C57		X		947		2016		120	150	1.500	XH hóa	HTX Quang Trung
6	Chợ Võ Đông	Ấp Võ Đông, xã Gia Kiệm	39	378	X	A52	C58		X		498		2015		110	120	1.500	XH hóa	
7	Chợ Dầu Giây	Ấp Trần Cao Văn, xã Bàu Hàm 2	53	72	X	A47	C59		X		3.511		2015		320	320	1.500	XH hóa	HTX SX-KD TH Dầu Giây kinh doanh, khai thác; Chợ xã địa điểm, đề nghị hồ trợ kinh phí để sửa chữa; điều chỉnh thu hẹp diện tích từ 5.073 m ² xuống 3.511m ²
8	Chợ Phan Bội Châu	Ấp Phan Bội Châu, xã Bàu Hàm 2	2	24		A59	C60		X			2015			100	150	7.000	XH hóa	Đi dời đến ấp Phan Bội Châu xã Bàu Hàm 2, đất do Công ty Cao su bán giao
9	Chợ Cây Vải	Ấp Tân Nghĩa, xã Xuân Thiển	12	106	X	A57	C61		X		1.108		2014		55	200	8.000	XH hóa	Đã an nông thôn mới, lại Khu dân cư B1. Bổ sung quy hoạch
10	Chợ Tân Nghĩa	Ấp Tân Nghĩa, xã Xuân Thiển	15	258			C62		X		10.000	2020			35	200	9.000	DN	Quyết định 3689/QĐ-UBND ngày 25/10/2005 của UBND tỉnh Đồng Nai. Bổ sung quy hoạch
11	Chợ Tân Lập	Ấp 2, xã Lỗ 25	23	123	X	A54	C63		X		1.360		2015		74	80	1.000	XH hóa	Điều chỉnh thu hẹp diện tích đất chợ từ 1.360m ² xuống còn 1.016m ²
12	Chợ Ấp 5	Ấp 5, xã Lỗ 25	5	109	X	A53	C64		X		1.294	2020			48	100	4.000	XH hóa	Điều chỉnh mở rộng diện tích đất chợ từ 500 m ² lên 1.294m ²
13	Chợ Hưng Lộc	Ấp Hưng Hiệp, xã Hưng Lộc	25	384	X	A55	C65		X		870		2015		98	100	1.000	XH hóa	HTX TM-DV Hưng Lộc; Đề nghị hồ trợ kinh phí để sửa chữa. Điều chỉnh mở rộng diện tích đất chợ từ 480m ² lên 870m ²
14	Chợ Hưng Hiệp	Ấp Hưng Hiệp, xã Hưng Lộc					C66		X		3.000	2020			200	200	8.000	DN	Đề án nông thôn mới, lại Khu dân cư B1. Bổ sung quy hoạch
15	Chợ Hưng Nghĩa	Ấp Hưng Nghĩa, xã Hưng Lộc	29	100	X		C67		X		440		2018		37	50	1.000	XH hóa	Hội Cựu Chiến binh xã, chợ xã điểm. Đề nghị hồ trợ kinh phí để sửa chữa. Bổ sung quy hoạch
16	Chợ 9/4	Ấp 9/4, xã Xuân Thành			X	A56	C68		X		6.752	2019			52	200	8.000	DN	Vị trí QH nằm gần khu TTTC xã Xuân Thành mới có diện tích 6.752m ² (Quyết định 3627/QĐ-UBND ngày 24/10/2007 của UBND tỉnh)
17	Chợ Trần Hưng Đạo	Ấp Trần Hưng Đạo, xã Xuân Thành			X	A58	C69		X			2015			60	200	8.000	DN	Bộ Công thương hỗ trợ 500 triệu (Quyết định 3785/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh); diện tích đất mới do Công an su bản giao
18	Chợ Thống Nhất (Chợ và Khu phố chợ)	Khu Trung tâm hành chính huyện, xã Xuân Thành					C70		X		19.670	2015			212		10.000	DN	Quyết định 2148/QĐ-UBND ngày 04/7/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai; Quyết định 2647/QĐ-UBND ngày 13/10/2008 của UBND tỉnh; Bổ sung quy hoạch
IV. HUYỆN ĐỊNH QUẬN																			
1	Chợ trung tâm thị trấn Định Quán	Khu phố Hiệp Đông, thị trấn Định Quán	28	191,192,193	X	A77	C71		X		20.000		2015		360	400	3.000	XH hóa	HTX TM-DV Định Quán
2	Nhà hàng Gia Canh	Khu phố Hiệp Quyết, thị trấn Định Quán	17	19	X	A78	C72		X		1.117		2015		34	50	1.000	XH hóa	
3	Chợ Phú Lợi	Ấp 2, xã Phú Lợi	23	6, 71	X	A76	C73		X		3.291		2015		216	260	2.000	XH hóa	HTX TM-DV Phú Lợi
4	Chợ Phú Cường	Ấp Phú Tân, xã Phú Cường	14	212, 323	X	A86	C74		X		3.900		2020		216	300	2.000	DN	Cty TNHH Đầu tư Tư Vấn Xây dựng M&I trường An Phúc đầu tư và quản lý
5	Chợ Phú Túc	Ấp chợ, xã Phú Túc	7	30	X	A82	C75		X		2.840	2015			232	300	10.000	XH hóa	
6	Chợ Phú Hòa	Ấp 3, xã Phú Hòa	13	103	X	A85	C76		X		3.794	2015			100	150	3.000	XH hóa	
7	Chợ 105 Phú Ngọc	Ấp 2, xã Phú Ngọc	41	68	X	A90	C77		X		5.485		2016		32	50	5.000	XH hóa	
8	Chợ trung tâm cụm Phú Tân	Ấp 5, xã Phú Tân	26	199	X	A81	C78		X		4.759		2016			50	1.000	XH hóa	



QUY HOẠCH MẠNG LƯỚI CHỢ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI ĐẾN NĂM 2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 04/01/2015 của UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên Chợ	Địa chỉ		Số thửa		Đang hoạt động tại vị trí mới	Mã số quy hoạch (cũ)	Mã số quy hoạch (mới)	Hạng chợ quy hoạch			Diện tích quy hoạch (m ²)	Định hướng quy hoạch		Số điểm kinh doanh hoạt động	Số điểm kinh doanh thiết kế	Dự kiến vốn đầu tư (trệu đồng)	Dự kiến nguồn vốn đầu tư	Ghi chú
		Số từ	Số thửa	1	2				3	Xây dựng mới	Nâng cấp sửa chữa		Di dời	1					
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I THÀNH PHỐ BIÊN HÒA																			
1	Chợ Biên Hòa	Khu phố 1, phường Thanh Bình	15	5	X	A1	C1	X	9	16	8.179	8	20	7	936	968	3.000	XH hóa	Giải tỏa, di dời chợ Sặt về chợ Tân Biên, Tổng Công ty TNHH MTV Tin Nghĩa đầu tư và quản lý
2	Chợ Tân Biên	Khu phố 5A, phường Tân Biên	49	155	X	A2	C2	X	X	X	7.306	2016	2018	2015	314	675	2.000	DN	
3	Chợ khu phố 6 Tân Biên	Khu phố 6, phường Tân Biên	18	18	X	A15	C3	X	X	X	3.000	2016	2016	2017	200	200	4.000	XH hóa	Di dời từ khu phố 7 đến khu phố 6, phường Tân Biên
4	Chợ Tân Hiệp	Khu phố 3, phường Tân Hiệp	18	41	X	A4	C4	X	X	X	7.000	2014	2016	2015	495	667	105.000	XH hóa	Di dời từ khu phố 2 sang vị trí khu phố 3, phường Tân Hiệp
5	Chợ Tân Mai	Khu phố 4, phường Tân Mai	32	145	X	A8	C5	X	X	X	1.142	2016	2015	2015	212	212	2.000	DN	Công ty Cổ phần SX TMDV Đồng Nai quản lý, khai thác
6	Chợ Tân Phong	Khu phố 2, phường Tân Phong	335-2	13, 17	X	A5	C6	X	X	X	1.286	2015	2015	2015	204	204	1.000	XH hóa	
7	Chợ Tam Hòa	Khu phố 1, phường Tam Hòa	21	120	X	A3	C7	X	X	X	4.520	2015	2016	2016	232	232	2.000	HTX	HTX Thanh Niên
8	Chợ Bàu Hòa	Ấp Tân Bình, phường Bàu Hòa	24	571	X	A7	C8	X	X	X	862	2020	2016	2016	182	186	2.000	DN	Công ty Cổ phần SX TMDV Đồng Nai quản lý, khai thác
9	Chợ Khu dân cư Bàu Long	Khu phố 1, phường Bàu Long	13	257	X	A10	C9	X	X	X	3.675	2018	2018	2018	40	280	1.500	DN	Cty TNHH Nguyễn Hoàng đầu tư và quản lý
10	Chợ Khu phố 3 Bàu Long	Khu phố 3, phường Bàu Long	6	122	X	A16	C10	X	X	X	2.800	2016	2016	2016	335	340	2.000	HTX	HTX Tân Long
11	Chợ Long Bình Tân	Khu phố 1, phường Long Bình Tân	30	26	X	A6	C11	X	X	X	3.000	2016	2016	2016	95	101	500	XH hóa	
12	Chợ An Bình (mới)	Khu phố 4, phường An Bình	6	1, 149c	X	A12	C13	X	X	X	792	2016	2016	2016	40	40	300	XH hóa	
13	Chợ An Bình	Khu phố 6, phường An Bình	44	21	X	A13	C14	X	X	X	500	2015	2015	2015	140	155	2.000	XH hóa	
14	Chợ Tân Tiến	Khu phố 9, phường Tam Hiệp	35	247	X	A14	C15	X	X	X	647	2015	2015	2015	70	200	4.000	DN	
15	Chợ Tam Hiệp	Phường Tân Vạn	15	21, 51	X	A19	C16	X	X	X	3.000	2015	2015	2015	110	120	3.000	XHH	
16	Chợ Tân Vạn	Khu phố 7, phường Tân Hòa	14	123	X	A17	C17	X	X	X	3.000	2017	2017	2017	65	380	8.000	BQP	Di dời từ khu phố 4-5 sang khu phố 3, phường Long Bình
17	Chợ Thái Bình	Khu phố 3, phường Long Bình	21	119, 120	X	A22	C18	X	X	X	7.300	2017	2017	2017	60	50	200	HTX	Di dời vào dự án khu gia đình quân đội, Ban quản lý dự án 45/TKT-BQP
18	Chợ Khu phố 3 Long Bình	Khu phố 7, phường Long Bình	21	61	X	A21	C19	X	X	X	155	2015	2015	2015	165	190	3.000	DN	HTX Lam Sơn
19	Chợ Khu phố 7 Long Bình	Khu phố 2, phường Quyết Thắng	21	108	X	A20	C20	X	X	X	2.500	2015	2015	2015	15	200	1.000	DN	Di dời từ khu phố 6 sang khu phố 4, phường Hồ Nai
20	Chợ Hàng Dầu	Khu phố 4, phường Hồ Nai	21	34	X	A23	C21	X	X	X	3.500	2016	2016	2016	393	650	15.000	DN	
21	Chợ số 6 Hồ Nai	Ấp An Hòa, xã Hòa An	13	215	X	A9	C22	X	X	X	12.000	2016	2016	2016	100	150	2.000	DN	
22	Chợ Tráng Dài	Ấp 1B, xã Tân Hạnh	35	215	X	A20	C24	X	X	X	1.822	2016	2016	2016	60	200	4.000	DN	Di dời từ ấp 2 đến ấp 1, xã An Hòa (gần Trường Nguyễn Thị Sáu)
23	Chợ Hòa An	Ấp 1, xã An Hòa	65/78	40	X	A176	C25	X	X	X	3.982	2018	2018	2018	100	200	3.000	DN	Cty TNHH MTV Bà Thiên Hương đầu tư và quản lý
24	Chợ Tân Hạnh	Ấp Nhứt Hòa, xã Hiệp Hòa	96	14, 17	X	A18	C26	X	X	X	3.000	2015	2015	2015	60	200	6.000	DN	Nằm trong dự án Trung tâm Thương mại
25	Chợ Bến Gỗ	Ấp Phước Hội, xã Long Hưng	25	10	X	A189	C27	X	X	X	2.089	2015	2015	2015	160	200	3.000	XH hóa	
26	Chợ Hiệp Hòa	Ấp Tân Mai, xã Phước Tân	25	10	X	A19	C28	X	X	X	4.200	2015	2015	2015	220	220	2.500	XH hóa	HTX TM-DV Tráng Bom
27	Chợ Long Hưng	Khu phố 1, thị trấn Tráng Bom	21	356	X	A30	C29	X	X	X	4.200	2016	2016	2016	150	150	3.256	XH hóa	Di dời đến vị trí mới
28	Chợ Tân Mai 2	Thị trấn Tráng Bom	3	223	X	A33	C30	X	X	X	4.581	2016	2016	2016	270	300	2.000	XH hóa	HTX Tân Trà
II HUYỆN TRÁNG BOM																			
1	Chợ Tráng Bom	Ấp Trà Cỏ, xã Bình Minh	38	15	X	A27	C31	X	X	X	3.490	2016	2016	2016	350	350	1.000	DN	DNTN Hương Ngọc đầu tư và quản lý
2	Chợ Trà Cỏ	Ấp Bàu Chai, xã Bắc Sơn	13	114, 113, 115	X	A28	C32	X	X	X	2.340	2015	2015	2015	120	250	7.235	DN	
3	Chợ An Chu	Ấp Sông Mây, xã Bắc Sơn	52	103, 466, 309	X	A29	C33	X	X	X	7.000	2015	2015	2015	150	150	2.500	DN	Đã xây dựng xong, đang hoạt động, bổ sung quy hoạch
4	Chợ Đồng Hòa	Ấp Phú Sơn, xã Bắc Sơn	25	99	X	A197	C34	X	X	X	2.548	2014	2014	2014	268	300	3.000	DN	KCN Sông Mây
5	Chợ An Chu	Ấp Sông Mây, xã Bắc Sơn	3	190	X	Chưa MS	C35	X	X	X	2.818	2018	2018	2018	165	200	2.000	DN	
6	Chợ Phú Sơn	Ấp Xây dựng, xã Giang Điền	19	281, 327	X	A32	C36	X	X	X	2.961	2016	2016	2016	180	170	500	XH hóa	HTX TM-DV Hòa Phát
7	Chợ Khu công nghiệp	Ấp Lộc Hòa, xã Tây Hòa	20	2	X	A40	C37	X	X	X	1.211	2017	2017	2017	35	135	2.530	XH hóa	Di dời đến vị trí mới, Chợ Đồi 61 (cũ) chuyển đổi công năng, xã quy hoạch
8	Chợ Giang Điền	Ấp Tân Thịnh, xã Đồi 61	5	210	X	A38	C38	X	X	X	5.000	2015	2015	2015	180	180	5.325	DN	
9	Chợ Lộc Hòa	Ấp Quảng Biên, xã Quảng Tiến	2	210	X	A42	C39	X	X	X	3.458	2015	2015	2015	180	180	5.325	DN	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Chợ Sông Thao	Ấp Thuận Hòa, xã Sông Thao	32	203	X	A39	C41		X		2.002		2016		95	100	1.500	XH hóa	
14	Chợ An Viên	Ấp 3, xã An Viên	6	194, 19, 20, 21	X	A41	C42		X		8.275	2015			120	150	4.520	DN	
15	Chợ Bàu Hầm	Ấp Tân Hòa, xã Bàu Hầm	29	294	X	A44	C43		X		1.212		2017		120	120	850	XH hóa	
16	Chợ Trường An	Ấp Trường An, xã Thanh Bình	13	156	X	A45	C44		X		2.167	2015			60	80	2.530	XH hóa	
17	Chợ Hưng Long	Ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh	13	408	X	A34	C45		X		2.222	2015			120	150	7.524	DN	
18	Chợ Hưng Hòa	Ấp Hưng Bình, xã Hưng Thịnh	10	100, 102, 103	X	A35	C46		X		3.439	2016			45	135	6.425	DN	
19	Chợ Thanh Hóa	Ấp Thanh Hòa, xã Hồ Nai 3	64	24	X	A43	C47		X		795,3		2016		165	200	2.000	XH hóa	
20	Chợ Hồ Nai 3	Khu dân cư ấp Thanh Hòa, xã Hồ Nai 3	64	222	X	A36	C48		X		4.660	2014			150	200	5.000	DN	Đã xây dựng xong, chưa hoạt động, bỏ sung quy hoạch
21	Chợ Sông Trầu	Ấp 2, xã Sông Trầu	36	364	X	A31	C49		X		4.779		2016		110	120	1.000	DN	Cy Địa ốc 9 đầu tư và quản lý
22	Chợ Cây số 9	Ấp 3, xã Sông Trầu	18	214	X	A36	C50		X		1.088	2016			100	120	1.200	XH hóa	Đất tư nhân, bỏ sung quy hoạch
23	Chợ Cây Gáo	Ấp Tân Lập 1, xã Cây Gáo	15	35	X	A36	C51		X		2.908		2014		65	100	2.325	XH hóa	
24	Chợ chầu ấp Cây Diếp	Ấp Cây Diếp, xã Cây Gáo	30	98	X	A36	C52		X		1.796	2016			70	120	1.500	XH hóa	Đất tư nhân, bỏ sung quy hoạch
III. HUỖYỀN THÔNG NHẤT																			
1	Chợ Đốc Mờ	Ấp Đốc Mờ 1, xã Gia Tân 1	21	313	X	A46	C53		X		2.959		2016		300	300	2.000	XH hóa	HTX KD TH Đốc Mờ
2	Chợ Bạch Lâm	Ấp Bạch Lâm 2, xã Gia Tân 2	21	120, 121, 122, 123	X	A48	C54		X		2.430	2015			60	200	8.000	XH hóa	Đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây mới. Bỏ sung quy hoạch
3	Chợ Phúc Nhac	Ấp Phúc Nhac, xã Gia Tân 3	38	204	X	A48	C55		X		962		2016		231	250	1.500	XH hóa	HTX KD TH Phúc Nhac
4	Chợ Nguyễn Huệ	Ấp Nguyễn Huệ, xã Quang Trung	35	249, 254	X	A49	C56		X		1.644	2014			82	150	7.000	DN	HTX Quang Trung; xây dựng mới trên nền chợ cũ hiện hữu và mở rộng diện tích đất (667m ²)
5	Chợ Lê Lợi	Ấp Lê Lợi, xã Quang Trung	49	415	X	A51	C57		X		947		2016		120	150	1.500	XH hóa	HTX SX-KD-TH Dầu Giây kinh doanh, khai thác; Chợ xã diện, đề nghị hỗ trợ kinh phí để sửa chữa; điều chỉnh thu hợp diện tích từ 5.073 m ² xuống 3.511m ²
6	Chợ Võ Đông	Ấp Võ Đông, xã Gia Kiệm	39	378	X	A52	C58		X		498		2015		110	120	1.500	XH hóa	Đi dời đến ấp Phan Bội Châu xã Bàu Hầm 2, đất do Công ty Cao su bán giao
7	Chợ Dầu Giây	Ấp Trần Cao Văn, xã Bàu Hầm 2	53	72	X	A47	C59		X		3.511		2015		320	320	1.500	XH hóa	HTX SX-KD-TH Dầu Giây kinh doanh, khai thác; Chợ xã diện, đề nghị hỗ trợ kinh phí để sửa chữa; điều chỉnh thu hợp diện tích từ 5.073 m ² xuống 3.511m ²
8	Chợ Phan Bội Châu	Ấp Phan Bội Châu, xã Bàu Hầm 2	2	24	X	A59	C60		X			2015			100	150	7.000	XH hóa	Đi dời đến ấp Phan Bội Châu xã Bàu Hầm 2, đất do Công ty Cao su bán giao
9	Chợ Cây Mè	Ấp Tân Nghĩa, xã Xuân Thiện	12	106	X	A57	C61		X		1.108		2014		55	200	8.000	XH hóa	Đã lập xong đầu tư trên nền chợ cũ
10	Chợ Tân Nghĩa	Ấp Tân Nghĩa, xã Xuân Thiện	15	258			C62		X		10.000	2020			35	200	9.000	DN	Quyết định 3689/QĐ-UBND ngày 25/10/2005 của UBND tỉnh Đồng Nai; Bỏ sung quy hoạch
11	Chợ Tân Lập	Ấp 2, xã LQ 25	23	123	X	A54	C63		X		1.360		2015		74	80	1.000	XH hóa	Điều chỉnh thu hợp diện tích đất chợ từ 1.360m ² xuống còn 1.016m ²
12	Chợ Ấp 5	Ấp 5, xã LQ 25	5	109	X	A53	C64		X		1.294	2020			48	100	4.000	XH hóa	Điều chỉnh mở rộng diện tích đất chợ từ 500 m ² lên 1.294m ²
13	Chợ Hưng Lộc	Ấp Hưng Hiệp, xã Hưng Lộc	25	384	X	A55	C65		X		870		2015		98	100	1.000	XH hóa	HTX TM-DV Hưng Lộc; Đề nghị hỗ trợ kinh phí để sửa chữa. Điều chỉnh mở rộng diện tích đất chợ từ 480m ² lên 870m ²
14	Chợ Hưng Hiệp	Ấp Hưng Hiệp, xã Hưng Lộc					C66		X		3.000	2020			200		8.000	DN	Đề án mở rộng thêm mới, tại Khu dân cư B1. Bỏ sung quy hoạch
15	Chợ Hưng Nghĩa	Ấp Hưng Nghĩa, xã Hưng Lộc	29	100	X		C67		X		440		2018		37	50	1.000	XH hóa	Hội Cựu Chiến binh xã, chợ xã diện. Đề nghị hỗ trợ kinh phí để sửa chữa. Bỏ sung quy hoạch
16	Chợ 9/4	Ấp 9/4, xã Xuân Thuận			X	A56	C68		X		6.752	2019			52	200	8.000	DN	Vị trí QH nằm gần khu TTTC xã Xuân Thuận mới có diện tích 6.752m ² (Quyết định 3627/QĐ-UBND ngày 24/10/2007 của UBND tỉnh)
17	Chợ Trần Hưng Đạo	Ấp Trần Hưng Đạo, xã Xuân Thuận			X	A58	C69		X			2015			60	200	8.000	DN	Bộ Công thương hỗ trợ 500 triệu (Quyết định 3785/QĐ-UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh); diện tích đất mới do Cty cao su bán giao
18	Chợ Thống Nhất (Chợ và Khu phố chợ)	Khu Trung tâm hành chính huyện, xã Xuân Thuận					C70		X		19.670	2015			212		10.000	DN	Quyết định 2148/QĐ-UBND ngày 04/7/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai; Quyết định 2647/QĐ-UBND ngày 13/10/2008 của UBND tỉnh; Bỏ sung quy hoạch
IV. HUỖYỀN ĐỊNH QUẢN																			
1	Chợ trung tâm thị trấn Định Quán	Khu phố Hiệp Đông, thị trấn Định Quán	28	191,192,193	X	A77	C71		X		20.000		2015		360	400	3.000	XH hóa	HTX TM-DV Định Quán
2	Ngã ba Gia Canh	Khu phố Hiệp Quyết, thị trấn Định Quán	17	19	X	A78	C72		X		1.117		2015		34	50	1.000	XH hóa	
3	Chợ Phú Lợi	Ấp 2, xã Phú Lợi	23	6, 71	X	A76	C73		X		3.291		2015		216	260	2.000	XH hóa	HTX TM-DV Phú Lợi
4	Chợ Phú Cường	Ấp Phú Tân, xã Phú Cường	14	212, 323	X	A86	C74		X		3.900		2020		216	300	2.000	DN	Cy TNHH Dầu tư Tư vấn Xây dựng M60; tư vấn An Phúc đầu tư và quản lý
5	Chợ Phú Túc	Ấp chợ, xã Phú Túc	7	30	X	A82	C75		X		2.840	2015			232	300	10.000	XH hóa	
6	Chợ Phú Hòa	Ấp 3, xã Phú Hòa	13	103	X	A85	C76		X		3.794	2015			100	150	3.000	XH hóa	
7	Chợ 105 Phú Ngọc	Ấp 2, xã Phú Ngọc	41	68	X	A90	C77		X		5.485		2016		32	50	5.000	XH hóa	
8	Chợ trung tâm cụm Phú Tân	Ấp 5, xã Phú Tân	26	199	X	A81	C78		X		4.759		2016		50		1.000	XH hóa	

I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
9	Chợ Túc Trưng	Áp Hòa Bình, xã Túc Trưng	52	14.28.59;66;94;95; 99;153;154;155	X	A84	C79		X	10,000	10,000		2017		42	50	5,000	XH hóa	Cty TNHH Hoàng Sự đầu tư và quản lý
10	Chợ xã Gia Canh	Áp 2, xã Gia Canh	18	19, 25	X	A79	C80		X	9,225	9,225		2016		105	120	2,000	DN	
11	Chợ Suối Nho	Áp chợ, xã Suối Nho	46	213	X	A80	C81		X	4,823	4,823	2015			154	160	12,000	XH hóa	
12	Chợ Thanh Sơn	Áp 1, xã Thanh Sơn	98	1	X	A92	C82		X	8,126	8,126		2015		62	100	1,000	XH hóa	
13	Chợ Áp 5 Suối Đục	Áp 5, xã Thanh Sơn	38	75	X	Chưa MS	C83		X	3,000	3,000	2016			100	2,000	XH hóa		Bổ sung quy hoạch
14	Chợ Lâm trường 3 Thanh Sơn	Áp 7, xã Thanh Sơn	12	17;18;19;20;198;1 99;201	X	A91	C84		X	3,000	3,000	2014			40	50	1,000	XH hóa	
15	Chợ ngã ba 107	Áp Hòa Trung, xã Ngọc Định	57	103	X	A94	C85		X	1,173	1,173		2017		49	50	1,000	XH hóa	
16	Chợ bên phà 107	Áp Hòa Trung, xã Ngọc Định	17		X	A93	C86		X	1,131	1,131	2015		2016	25	50	1,000	XH hóa	Đi dời về Trung tâm xã Ngọc Định
17	Chợ trung tâm xã Ngọc Định	Áp Hòa Thành, xã Ngọc Định	20	137;199		Chưa MS	C87		X	14,840	14,840	2016			150	3,000	XH hóa		Bổ sung quy hoạch
18	Chợ La Ngà 102	Áp 1, xã La Ngà	23	310; 332	X	A87	C88		X	9,821	9,821		2020		220	250	2,000	DN	Cty TNHH Hoàng Sự đầu tư và quản lý
19	Chợ Vĩnh An La Ngà	Áp Vĩnh An, xã La Ngà	13	173;185;186;187; 109;191;202;220	X	A88	C89		X	1,355	1,355	2014			39	50	1,000	XH hóa	
V	HUYỆN TÂN PHÚ				9	16	16	2	0	14		8	8	1					
1	Chợ Thị trấn Tân Phú	Khu 3, thị trấn Tân Phú	43			A61	C90	X			15,450	2015				300	10,000	DN	Đang làm thủ tục xây dựng
2	Chợ Phương Lâm	Áp Phương Mai 1, xã Phú Lâm	19	16	X	A60	C91	X			8,416		2025		566	600	3,000	XH hóa	HTX TM-DV Phương Lâm
3	Chợ Phú Điền	Áp 3, xã Phú Điền	18	91		A62	C92		X	7,000	7,000	2016		2017	80	150	4,000	XH hóa	Đi dời vị trí mới
4	Chợ Phú Lộc	Áp 6, xã Phú Lộc	1	52	X	A63	C93		X	4,390	4,390		2018		84	160	4,000	XH hóa	
5	Chợ 13 Phú Lập	Áp 3, xã Phú Lập	12	127	X	A64	C94		X	5,547	5,547		2021		250	260	1,000	XH hóa	
6	Chợ Nam Cát Tiên	Áp 5, xã Nam Cát Tiên	6	94	X	A65	C95		X	2,796	2,796		2020		80	100	1,000	XH hóa	
7	Chợ 138 Phú Sơn	Áp Phú Sơn 3, Phú Sơn	18	237	X	A66	C96		X	1,538	1,538		2017		35	50	500	XH hóa	
8	Chợ Đắc Lúa	Áp 12, xã Đắc Lúa	15	31	X	A67	C97		X	2,039	2,039		2015		30	100	2,000	XH hóa	
9	Chợ Núi Tượng	Áp 4, xã Núi Tượng	10	105,109, 110, 239, 237,236,238, 148, 149, 143, 136, 145, 144, 137,146, 140, 158,159	X	A68	C98		X	1,601	1,601		2019		30	50	2,000	XH hóa	
10	Chợ Phú Xuân (Ngọc Lâm)	Áp Ngọc Lâm 1, xã Phú Xuân	30	52, 53, 54, 55, 65, 66, 89, 90	X	A69	C99		X	3,055	3,055	2015			180	250	5,000	XH hóa	
11	Chợ Tà Lài	Áp 3, xã Tà Lài	13	356,357,207, 206,208,209, 177,176,175, 174,178	X	A70	C100		X	8,000	8,000	2023			50	35	2,000	XH hóa	
12	Chợ 142	Áp 7, xã Phú An	56	211		A72	C101		X	5,012	5,012		2024		80	120	7,000	DN	Cty TNHH TM-DV 142 đầu tư và quản lý
13	Chợ Phú Thịnh	Áp 6, xã Phú Thịnh	19	197		A73	C102		X	1,000	1,000	2019			80	60	3,000	XH hóa	
14	Chợ Phú Trung	Áp Phú Lợi, xã Phú Trung	17	170		A74	C103		X	5,000	5,000	2021			50	60	3,000	XH hóa	
15	Chợ Phú Thành	Áp Bầu Mây xã, Phú Thành				A75	C104		X	5,000	5,000	2020			55	70	3,000	XH hóa	
16	Chợ Trà Cỏ	Áp 5, xã Trà Cỏ	15	107, 108, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 17	X	Chưa MS	C105		X	3,093	3,093	2022			45	60	3,000	XH hóa	Đã hoạt động, Bổ sung quy hoạch
VI	THỊ XÃ LONG KHÁNH				9	15	15	1	0	14									
1	Chợ Long Khánh	Đường Hùng Vương, phường Xuân Trung			X	A95	C106	X			9,848		2020		526	526	1,500	XH hóa	
2	Chợ Xuân Thành	Đường Hoàng Diệu, phường Xuân Thành	8	84, 114	X	A96	C107		X	2,854	2,854	2020			134	134	1,000	XH hóa	HTX TM-DV Xuân Thành
3	Chợ Phú Bình	Phường Phú Bình				A106	C108		X			2020			50	50	4,000	XH hóa	Xây dựng mới giai đoạn 2016-2020
4	Chợ Xuân Hòa	Phường Xuân Hòa				A107	C109		X			2020			50	50	4,000	XH hóa	Xây dựng mới giai đoạn 2016-2020
5	Chợ Báo Vinh	Áp Ruộng Lớn, xã Báo Vinh	24	11, 29	X	A98	C110		X	1,296	1,296		2020		60	75	500	XH hóa	Xã điểm nông thôn mới, mở rộng chợ
6	Chợ Xuân Tân	Áp Tân Phong, xã Xuân Tân	25	102	X	A97	C111		X	1,769	1,769		2016		106	113	4,000	XH hóa	
7	Chợ Xuân Gòn	Áp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn	35	187	X	A103	C112		X	963,1	963,1		2020		46	36	500	XH hóa	HTX DV-NN Xuân Thành
8	Chợ Bình Lộc	Áp 1, xã Bình Lộc	29	10	X	A108	C113		X	10,192	10,192	2024		2025	42	100	3,000	XH hóa	Đi dời đến vị trí mới, Đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng
9	Chợ Bầu Sen	Áp Núi Đồi, xã Bầu Sen	15	42a	X	A104	C114		X	670	670	2020			30	50	300	XH hóa	Đang xây dựng, dự kiến cuối T9/2014 hoàn thành
10	Chợ Bầu Trám	Xã Bầu Trám				A105	C115		X			2020			50	50	3,000	XH hóa	Xây dựng mới giai đoạn 2016-2020
11	Chợ Suối Tre	Xã Suối Tre				A101	C116		X			2020			61	51	300	XH hóa	Xây dựng mới giai đoạn 2016-2020
12	Chợ Bầu Cối	Áp Bầu Cối, xã Báo Quang	04	323	X	A100	C117		X	671,4	671,4		2020		50	50	2,000	XH hóa	Xây dựng mới giai đoạn 2016-2020
13	Chợ Báo Quang	Xã Báo Quang				A99	C118		X			2020			80	80	500	XH hóa	Xã điểm nông thôn mới
14	Chợ Xuân Lập	Áp Trung Tâm, xã Xuân Lập	06	82	X	A102	C119		X	4,415	4,415		2020		80	80	500	XH hóa	
15	Chợ Phú Mỹ	Áp Phú Mỹ, xã Xuân Lập	20	53	X	Chưa MS	C120		X	329	329	2018			50	1,500	1,500	XH hóa	Đề án nông thôn mới, Bổ sung quy hoạch
VII	HUYỆN XUÂN LỘC				15	16	16	0	5	11		2	14	0					
1	Chợ Xuân Lộc	Khu 4, Thị trấn Gia Ray	16	34	X	A116	C121		X	3,355	3,355		2016		20	231	3,000	XH hóa	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Chợ Xuân Đà	QL1A, Ấp 5, Xã Xuân Tâm		38	303:1588,1589	X	A109	C122		X		5.692		2015		281	281	3.000	XH hóa	
Chợ Xuân Hưng	Ấp 2, xã Xuân Hưng		73	82	X	A111	C123		X		3.483,5		2015		200	200	3.000	XH hóa	
Chợ Xuân Thọ	Ấp Thọ Chánh, xã Xuân Thọ		55	90	X	A112	C124			X	3.660		2016		113	113	3.000	DN	Cv TNHH Đầu tư Tư vấn Xây dựng Mới trường An Phúc đầu tư quản lý
Chợ Suối Cát	Ấp Suối Cát 1, xã Suối Cát		17	319	X	A113	C125		X		4.730		2016		185	215	3.000	XH hóa	HTX DV-TM Bảo Hòa, Đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
Chợ Bảo Hòa	QL 1A, ấp Hòa Hợp, xã Bảo Hòa		8	35	X	A114	C126		X		4.832		2016		228	228	3.000	XH hóa	
Chợ Gia Ray	Ấp Trung Nghĩa, xã Xuân Trường		18	98	X	A115	C127		X		2.778		2015		208	220	3.500	XH hóa	
Chợ Bình Hòa	Ấp Bình Hòa, xã Xuân Phú		30	269	X	A118	C128		X		1.502		2018		86	86	3.000	XH hóa	HTX TM-DV Bình Hòa-Chợ xã điểm
Chợ Thọ Lộc	Ấp Thọ Lộc, xã Xuân Thọ		38	22	X	A119	C129		X		1.300	2015			70	100	5.000	XH hóa	Đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
Chợ Lang Minh	Ấp Đông Minh, xã Lang Minh		15	22	X	A120	C130		X		6.658		2018		114	175	3.000	XH hóa	HTX DT-XD chợ Lang Minh
Chợ Tân Hòa	Ấp Tân Hòa, xã Xuân Thành		13	744	X	A121	C131		X		2.575		2018		88	121	3.000	XH hóa	HTX DT-XD chợ Tân Hòa
Chợ Xuân Hòa	Ấp 3, xã Xuân Hòa		63	137	X	A122	C132		X		2.115,7		2018		92	92	3.000	XH hóa	
Chợ Xuân Bắc	Ấp 2B, xã Xuân Bắc		47	137	X	A123	C133		X		6492,8		2016		48	38	3.000	XH hóa	
Chợ Xuân Định	QL 1A, ấp Bảo Định, Xuân Định		5	727	X	A125	C134		X		30.000		2016		30	148	3.000	XH hóa	HTX TM-DV Xuân Định
Chợ Mã Vôi	QL 1A, ấp Hòa Bình, xã Bảo Hòa		9	115	X	A127	C135		X		4.510		2016		40	40	3.000	DN	
Chợ Trảng Tào	Xã Xuân Tân				X	A128	C136		X				2016		40	40	6.000	DN	
VIII. HUYỆN VINH CỬU																			
Chợ Vĩnh An	Khu phố 5, thị trấn Vĩnh An				X	A130	C137		X		26.000		2017		568	600		XH hóa	
Chợ khu phố 1 Vĩnh An	Khu phố 1, thị trấn Vĩnh An				X	A139	C138		X		5.286		2017		64	100		XH hóa	
Chợ Tân Bình	Ấp Bình Phước, xã Tân Bình		12	137, 138, 139, 141, 142, 559	X	A129	C139		X		9.800				126	320		DN	DN/TN Thiên Nhiên đầu tư và quản lý
Chợ Vĩnh Tân	Ấp 3, xã Vĩnh Tân				X	A131	C140		X		8.314		2018		30	210		DN	DN/TN Đức Lợi Thành đầu tư và quản lý
Chợ Thanh Phú	Ấp 1, xã Thanh Phú		32	27-39, 50-55, 65-74, 120-125, 128-134		Chùa MS	C141		X		20.000	2017		2018	72	150	5000	XH hóa	Đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
Chợ Hiếu Liêm	Ấp 3, xã Hiếu Liêm				X	A133	C142		X		10.000		2018		43	56	1500	XH hóa	Đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
Chợ Mã Đà	Ấp 1, xã Mã Đà		93	128, 129	X	A134	C143		X		9.000	2017		2018	33	50	2000	XH hóa	Đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
Chợ Tr. An	Ấp 1, xã Tr. An		23	146		A135	C144		X		3.000	2015			70	70	3000	XH hóa	Đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
Chợ Phú Lý	Ấp Lý Lịch 1, xã Phú Lý		42	39, 77, 87, 86, 75, 76	X	A136	C145		X		12.000		2016		100	150	3000	XH hóa	Đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
Chợ Thiện Tân	Ấp Văn, xã Thiện Tân		25	243		Chùa MS	C146		X		4.000	2015		2016	50	50	1000	XH hóa	Di dời từ ấp 6-7 sang vị trí ấp Văn, xã Thiện Tân
Chợ Tân An (Sở Quy)	Ấp 1, xã Tân An		72	31		Chùa MS	C147		X		2.000		2016	2015	60	100		HKD	Di dời từ ấp 2 sang vị trí ấp 1, xã Tân An, GCN QSDĐ số BQ176549 cấp ngày 20/01/2014
Chợ Ấp 3 (Chợ Bình Lợi)	Ấp 3, xã Bình Lợi		11	151		Chùa MS	C148		X		3.022		2016		50	80		HKD	Bổ sung quy hoạch, GCN QSDĐ số BD224603 cấp ngày 26/11/2010
Chợ Bình Hòa	Ấp Bình Thạch, xã Bình Hòa		22, 15	6, 7, 8, 251, 234-246, 213-221, 187, 197, 198, 199		Chùa MS	C149		X		3.000		2020		30	50		HKD	Bổ sung quy hoạch
IX. HUYỆN NHƠN TRẠCH																			
Chợ Dân Xuân	Ấp 3, xã Hiệp Phước		29	247, 297		A196	C150		X		10.554	2015			30	50	81.000	DN	Xây dựng mới, Giải tỏa, di dời chợ ấp 3 Hiệp Phước đến chợ Dân Xuân
Chợ Phú Thạnh	Ấp 1, xã Phú Thạnh		28	9		A143	C151		X		5.082	2019		2020	34	200	10.000	DN	Xây dựng mới và di dời, điều chỉnh QH chợ loại 1; Năm trong khu quy hoạch hành chính văn hóa giáo dục thể dục thể thao
Chợ Đại Phước	Ấp Phước Lý, xã Đại Phước		34	87	X	A140	C152		X		1.895		2025		320	320	10.326	DN	DN/TN Huỳnh Minh đầu tư và quản lý
Chợ Phước Thiện	Ấp Bùn Cạn, xã Phước Thiện		28	34	X	A141	C153		X		1.492		2018		110	120		XH hóa	Nâng cấp, cải tạo chợ sân cỏ
Chợ Phước Khánh	Ấp 2, xã Phước Khánh		31	100	X	A142	C154		X		1.438	2014			96	90	3.700	XH hóa	Điều chỉnh quy hoạch xây dựng mới trên nền chợ cũ, Chợ xã điểm đang lập dự án. Đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
Chợ Phước An	Ấp Bà Trưỡng, xã Phước An		97	100	X	A151	C155		X		2.434	2014		2015	60	100	5.000	DN	Đã xây dựng mới xong, đang thực hiện di dời - Bả Dung đầu tư
Chợ Phước An (núi)	Ấp Bà Trưỡng, xã Phước An		58	114, 118, 119, 120		Chùa MS	C156		X		48.000	2015			200	200	20.000	DN	HTX Đông An Xã Tân Nhơn Tr.ách, Bổ sung quy hoạch
Chợ Ấp 1 Long Thọ	Ấp 1, xã Long Thọ		18	6	X	A145	C157		X		1.800		2025		260	260	3.000	DN	DN/TN Hoàng Tuấn Hưng đầu tư và quản lý
Chợ Ấp 4 Long Thọ	Ấp 4, xã Long Thọ		377	286	X	A146	C158		X		750	2016			35	40		XH hóa	Chợ xã điểm đang lập dự án. Đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
Chợ Long Tân	Ấp Vĩnh Tuy, xã Long Tân		36	62		Chùa MS	C159		X		2.000	2019			30	120	5.000	DN	Bổ sung quy hoạch
Chợ Phú Hòa	Ấp Cát Lái, xã Phú Hòa		14	105,68	X	A148	C160		X		1.998		2020		40	50	3.000	DN	DN/TN Huỳnh Minh đầu tư và quản lý
Chợ Giồng Ông Đông	Ấp Giồng Ông Đông, xã Phú Đông		15	81	X	A149	C161		X		1.411		2020		30	50	1.000	XH hóa	Nâng cấp, cải tạo chợ sân cỏ

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
9	Chợ Túc Trưng	Áp Hòa Bình, xã Túc Trưng	52	14,28;59;66;94;95; 99;153;154;155	X	A84	C79			X	10,000		2017		42	50	XH hóa	Cy TNHH Hoàng Sự đầu tư và quản lý	
10	Chợ xã Gia Canh	Áp 2, xã Gia Canh	18	25	X	A79	C80			X	9,225		2016		105	120	DN		
11	Chợ Suối Nho	Áp chợ, xã Suối Nho	46	213	X	A80	C81			X	4,823	2015			154	160	XH hóa		
12	Chợ Thành Sơn	Áp 1, xã Thành Sơn	98	1	X	A92	C82			X	8,126		2015		62	100	XH hóa		
13	Chợ Áp 5 Suối Đục	Áp 5, xã Thành Sơn	38	75	X	Chưa MS	C83			X	3,000	2016			100	2,000	XH hóa	Bổ sung quy hoạch	
14	Chợ Lâm Trường 3 Thành Sơn	Áp 7, xã Thành Sơn	12	17;18;19;20;198;1 99;201	X	A91	C84			X	3,000	2014			40	50	XH hóa		
15	Chợ ngã ba 107	Áp Hòa Trung, xã Ngọc Định	57	103	X	A94	C85			X	1,173		2017		49	50	XH hóa		
16	Chợ bên phà 107	Áp Hòa Trung, xã Ngọc Định	20	137;199	X	A93	C86			X	1,131	2015		2016	25	50	XH hóa	Di dời về Trung tâm xã Ngọc Định	
17	Chợ trung tâm xã Ngọc Định	Áp Hòa Thành, xã Ngọc Định	20		X	Chưa MS	C87			X	14,840	2016			150	3,000	XH hóa	Bổ sung quy hoạch	
18	Chợ La Ngà 102	Áp 1, xã La Ngà	23	310; 332	X	A87	C88			X	9,821		2020		220	250	DN	Cy TNHH Hoàng Sự đầu tư và quản lý	
19	Chợ Vĩnh An La Ngà	Áp Vĩnh An, xã La Ngà	13	173;185;186;187; 109;191;202;220	X	A88	C89			X	1,355	2014			39	50	1,000	XH hóa	
V	HUYỆN TÂN PHÚ				9	16	16	2	0	14	8	8	1						
1	Chợ Thị trấn Tân Phú	Khu 3, thị trấn Tân Phú	43		X	A61	C90			X	15,450	2015				300	10,000	DN	Đang làm thủ tục xây dựng.
2	Chợ Phương Lâm	Áp Phương Mai 1, xã Phú Lâm	19	16	X	A60	C91			X	8,416		2025		566	600	XH hóa	HTX TM-DV Phương Lâm	
3	Chợ Phú Điền	Áp 3, xã Phú Điền	18	91	X	A62	C92			X	7,000	2016		2017	80	150	4,000	XH hóa	Di dời vị trí mới
4	Chợ Phú Lộc	Áp 6, xã Phú Lộc	1	52	X	A63	C93			X	4,390		2018		84	160	4,000	XH hóa	
5	Chợ 13 Phú Lập	Áp 3, xã Phú Lập	17	127	X	A64	C94			X	5,547		2021		250	260	1,000	XH hóa	
6	Chợ Nam Cát Tiên	Áp 3, xã Nam Cát Tiên	6	94	X	A65	C95			X	2,796		2020		80	100	1,000	XH hóa	
7	Chợ 138 Phú Sơn	Áp Phú Lâm 3, Phú Sơn	18	237	X	A66	C96			X	1,538		2017		35	50	500	XH hóa	
8	Chợ Đúc Lúa	Áp 12, xã Đúc Lúa	15	31	X	A67	C97			X	2,039		2015		30	100	2,000	XH hóa	
9	Chợ Núi Tượng	Áp 4, xã Núi Tượng	10	105,109, 110, 239, 237;236, 238, 148, 149, 143, 136, 145, 144, 137,146, 140, 158,159	X	A68	C98			X	1,601		2019		30	50	2,000	XH hóa	
10	Chợ Phú Xuân (Ngọc Lâm)	Áp Ngọc Lâm 1, xã Phú Xuân	30	52, 53, 54, 55, 65, 66, 89, 90	X	A69	C99			X	3,055	2015			180	250	5,000	XH hóa	
11	Chợ Trà Lại	Áp 3, xã Trà Lại	13	356, 357, 207, 206, 208, 209, 177, 176, 175, 174, 178		A70	C100			X	8,000	2023			50	35	2,000	XH hóa	
12	Chợ 142	Áp 7, xã Phú An	56	211		A72	C101			X	5,012		2024		80	120	7,000	DN	Cy TNHH TM-DV 142 đầu tư và quản lý
13	Chợ Phú Thịnh	Áp 6, xã Phú Thịnh	19	197		A73	C102			X	1,000	2019			80	60	3,000	XH hóa	
14	Chợ Phú Trung	Áp Phú Lợi, xã Phú Trung	17	170		A74	C103			X	5,000	2021			50	60	3,000	XH hóa	
15	Chợ Phú Thành	Áp Bầu Mây, xã Phú Thành	15	107, 108, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 17		A75	C104			X	5,000	2020			55	70	3,000	XH hóa	
16	Chợ Trà Cỏ	Áp 5, xã Trà Cỏ	15		X	Chưa MS	C105			X	3,093	2022			45	60	3,000	XH hóa	Đã hoạt động. Bổ sung quy hoạch
VI	THỊ XÃ LONG KHÁNH				9	15	15	1	0	14	8	7							
1	Chợ Long Khánh	Đường Hùng Vương, phường Xuân Trưng	8	84, 114	X	A95	C106			X	9,848		2020		526	526	1,500	XH hóa	HTX TM-DV Xuân Thành
2	Chợ Xuân Thành	Đường Hoàng Diệu, phường Xuân Thành	8		X	A96	C107			X	2,854		2020		134	134	1,000	XH hóa	Xây dựng mới giai đoạn 2016-2020
3	Chợ Phú Bình	Phường Phú Bình			X	A106	C108			X		2020			50	4,000	XH hóa	Xây dựng mới giai đoạn 2016-2020	
4	Chợ Xuân Hòa	Phường Xuân Hòa			X	A107	C109			X		2020			50	4,000	XH hóa		
5	Chợ Bao Vinh	Áp Ruộng Lớn, xã Bao Vinh	24	11, 29	X	A98	C110			X	1,296		2020		60	75	500	XH hóa	Xả điểm nông thôn mới, mở rộng chợ
6	Chợ Xuân Tân	Áp Tân Phong, xã Xuân Tân	25	102	X	A97	C111			X	1,769		2016		106	113	4,000	XH hóa	HTX DV-NN Xuân Thành
7	Chợ Hàng Gòn	Áp Hàng Gòn, xã Hàng Gòn	35	187	X	A103	C112			X	963,1		2020		46	36	500	XH hóa	
8	Chợ Bình Lộc	Áp 1, xã Bình Lộc	29	10	X	A108	C113			X	10,192	2024		2025	42	100	3,000	XH hóa	Di dời đến vị trí mới; Đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng
9	Chợ Bầu Sen	Áp Núi Đốt, xã Bầu Sen	15	42a	X	A104	C114			X	670	2020			30	50	300	XH hóa	Đang xây dựng, dự kiến cuối T9/2014 hoàn thành
10	Chợ Bầu Trám	Xã Bầu Trám			X	A105	C115			X		2020			50	3,000	XH hóa	Xây dựng mới giai đoạn 2016-2020	
11	Chợ Suối Tre	Xã Suối Tre			X	A101	C116			X		2020			50	2,000	XH hóa	Xây dựng mới giai đoạn 2016-2020	
12	Chợ Bầu Cối	Áp Bầu Cối, xã Bao Quang	04	323	X	A100	C117			X	671,4		2020		61	51	300	XH hóa	
13	Chợ Bao Quang	Xã Bao Quang			X	A99	C118			X		2020			50	2,000	XH hóa	Xây dựng mới giai đoạn 2016-2020	
14	Chợ Xuân Lập	Áp Trung Tâm, xã Xuân Lập	06	82	X	A102	C119			X	4,415		2020		80	80	500	XH hóa	Xả điểm nông thôn mới
15	Chợ Phú Mỹ	Áp Phú Mỹ, xã Xuân Lập	20	53	X	Chưa MS	C120			X	329	2018			50	1,500	XH hóa	Đề án nông thôn mới. Bổ sung quy hoạch	
VII	HUYỆN XUÂN LỘC				15	16	16	0	5	11	2	14	0						
1	Chợ Xuân Lộc	Khu 4, Thị trấn Gia Ray	16	34	X	A116	C121			X	3,355		2016		20	231	3,000	XH hóa	

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
2	Chợ Xuân Đà	QL1A, Ấp 5, xã Xuân Tân	38	303,1588-1589	X	A109	C122		X		5.692		2015		281	281	3.000	XH hóa	
3	Chợ Xuân Hưng	Ấp 2, xã Xuân Hưng	73	82	X	A111	C123		X		3.483,5		2015		200	200	3.000	XH hóa	Cvz TNHH Đầu tư Tư vấn Xây dựng Môi trường An Phước
4	Chợ Xuân Thọ	Ấp Thọ Chánh, xã Xuân Thọ	55	90	X	A112	C124			X	3.660		2016		113	113	3.000	DN	đầu tư, quản lý
5	Chợ Suối Cát	Ấp Suối Cát 1, xã Suối Cát	17	319	X	A113	C125		X		4.730		2016		185	215	3.000	XH hóa	HTX DV-TM Bảo Hòa, Đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
6	Chợ Bảo Hòa	QL 1A, ấp Hòa Hợp, xã Bảo Hòa	8	35	X	A114	C126		X		4.832		2016		228	228	3.000	XH hóa	HTX DV-TM Bảo Hòa, Đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
7	Chợ Gia Ray	Ấp Trung Nghĩa, xã Xuân Trường	18	98	X	A115	C127		X		2.778		2015		208	220	3.500	XH hóa	HTX TM-DV Bình Hòa, Chợ xã điểm
8	Chợ Bình Hòa	Ấp Bình Hòa, xã Xuân Phú	30	269	X	A118	C128		X		1.502		2018		86	86	3.000	XH hóa	Đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
9	Chợ Thọ Lộc	Ấp Thọ Lộc, xã Xuân Thọ	38	28	X	A119	C129		X		1.300	2015			70	100	5.000	XH hóa	HTX BT-XD chợ Lang Minh
10	Chợ Lang Minh	Ấp Đông Minh, xã Lang Minh	15	22	X	A120	C130		X		6.658		2018		114	175	3.000	XH hóa	HTX BT-XD chợ Tân Hậu
11	Chợ Tân Hậu	Ấp Tân Hậu, xã Xuân Thành	13	744	X	A121	C131		X		2.575		2018		88	121	3.000	XH hóa	
12	Chợ Xuân Hòa	Ấp 3, xã Xuân Hòa	67	137	X	A122	C132		X		2.115,7		2018		92	92	3.000	XH hóa	
13	Chợ Xuân Bắc	Ấp 2B, xã Xuân Bắc	47	31	X	A123	C133		X		6.492,8		2016		48	38	3.000	XH hóa	
14	Chợ Xuân Định	QL 1A, ấp Báo Định, Xuân Định	5	227	X	A125	C134		X		30.000		2016		30	148	3.000	XH hóa	HTX TM-DV Xuân Định
15	Chợ Mả Vôi	QL 1A, ấp Hòa Bình, xã Báo Hòa	9	115	X	A127	C135		X		4.510		2016		40	40	3.000	DN	
16	Chợ Trưng Tào	Xã Xuân Tân			X	A128	C136		X			2016			40	40	6.000	DN	
VIII HUYỆN VINH CỬU																			
1	Chợ Vinh An	Khu phố 5, thị trấn Vinh An			X	A130	C137		X		26.000		2017		568	600		XH hóa	
2	Chợ khu phố 1 Vinh An	Khu phố 1, thị trấn Vinh An			X	A139	C138		X		5.286		2017		64	100		XH hóa	
3	Chợ Tân Bình	Ấp Bình Phước, xã Tân Bình	12	137, 138, 139, 141, 142, 559	X	A129	C139		X		9.800		2018		126	320		DN	DNTN Thiên Nhiên đầu tư và quản lý
4	Chợ Vinh Tân	Ấp 3, xã Vinh Tân			X	A131	C140		X		8.314		2018		30	210		DN	DNTN Đức Lợi Thành đầu tư và quản lý
5	Chợ Thành Phú	Ấp 1, xã Thành Phú	32	27-39, 50-55, 65-74, 120-125, 128-134		Chùa MS	C141		X		20.000	2017		2018	72	150	5000	XH hóa	Đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
6	Chợ Hiếu Liêm	Ấp 3, xã Hiếu Liêm			X	A133	C142		X		10.000		2018		43	56	1.500	XH hóa	Đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
7	Chợ Mả Đà	Ấp 1, xã Mả Đà	93	128, 129	X	A134	C143		X		9.000	2017		2018	33	50	2.000	XH hóa	Đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
8	Chợ Trĩ An	Ấp 1, xã Trĩ An	23	146		A135	C144		X		3.000	2015			70	70	3.000	XH hóa	Đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
9	Chợ Phú Lý	Ấp Lý Lịch 1, xã Phú Lý	42	39, 77, 87, 86, 75, 76	X	A136	C145		X		12.000		2016		100	150	3.000	XH hóa	Đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
10	Chợ Thiên Tân	Ấp Văn, xã Thiên Tân	25	243		Chùa MS	C146		X		4.000	2015		2016	50	50	1.000	XH hóa	Di dời từ ấp 6-7 sang vị trí ấp Văn, xã Thiên Tân
11	Chợ Tân An (Số Quy)	Ấp 1, xã Tân An	72	31		Chùa MS	C147		X		2.000		2016	2015	60	100		HKD	Di dời từ ấp 2 sang vị trí ấp 1, xã Tân An; GCN QSDĐ số B0176549 cấp ngày 20/01/2014
12	Chợ Ấp 3 (Chợ Bình Lợi)	Ấp 3, xã Bình Lợi	11	151		Chùa MS	C148		X		3.022		2016		50	80		HKD	Bộ sung quy hoạch; GCN QSDĐ số B0224603 cấp ngày 26/11/2010
13	Chợ Bình Hòa	Ấp Bình Thạch, xã Bình Hòa	22, 15	6, 7, 8, 251, 234-246, 213-221, 187, 197, 198, 199		Chùa MS	C149		X		3.000		2020		30	50		HKD	Bộ sung quy hoạch
IX HUYỆN NHƠN PHƯỚC																			
1	Chợ Dân Xuân	Ấp 3, xã Hiệp Phước	29	247, 297		A196	C150	X			10.554	2015			30	50	81.000	DN	Xây dựng mới; Giải tỏa, di dời chợ ấp 3 Hiệp Ph ước đến chợ Dân Xuân
2	Chợ Phú Thạnh	Ấp 1, xã Phú Thạnh	28	9		A143	C151	X			5.082	2019		2020	34	200	10.000	DN	Xây dựng mới và di dời, điều chỉnh QH chợ loại 1; Nắm trong khu quy hoạch hành chính văn hóa giáo dục thể dục thể thao
3	Chợ Đại Phước	Ấp Phước Lý, xã Đại Phước	34	87	X	A140	C152		X		1.895		2025		320	320	10.326	DN	DNTN Huỳnh Minh đầu tư và quản lý
4	Chợ Phước Thiện	Ấp Bùn Cạn, xã Phước Thiện	28	34	X	A141	C153		X		1.492		2018		110	120		XH hóa	Nâng cấp, cải tạo chợ sân cỏ
5	Chợ Phước Khánh	Ấp 2, xã Phước Khánh	31	100	X	A142	C154		X		1.438	2014			96	90	3.700	XH hóa	Điều chỉnh quy hoạch xây dựng mới trên nền chợ cũ, Chợ xã điểm đang lập dự án. Đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
6	Chợ Phước An	Ấp Bà Trường, xã Phước An	97	100	X	A151	C155		X		2.434	2014		2015	60	100	5.000	DN	Đã xây dựng mới xong, đang thực hiện di dời - Bã Dung đầu tư
7	Chợ Phước An (nhỏ)	Ấp Bà Trường, xã Phước An	58	114,118,119,120		Chùa MS	C156		X		48.000	2015			200	200	20.000	DN	HTX đồng đầu Xã Tân Nhơn Trạch, Bộ sung quy hoạch
8	Chợ Ấp 1 Long Thọ	Ấp 1, xã Long Thọ	18	6	X	A145	C157		X		1.800		2025		260	260	3.000	DN	DNTN Hoàng Tuấn Hùng đầu tư và quản lý
9	Chợ Ấp 4 Long Thọ	Ấp 4, xã Long Thọ	377	286	X	A146	C158		X		750	2016			35	40		XH hóa	Chợ xã điểm đang lập dự án. Đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới
10	Chợ Long Tân	Ấp Vĩnh Tuy, xã Long Tân	36	62		Chùa MS	C159		X		2.000	2019			30	120	5.000	DN	Bộ sung quy hoạch
11	Chợ Phú Hòa	Ấp Cầu Lái, xã Phú Hòa	14	105,68	X	A148	C160		X		1.998		2020		40	50	3.000	DN	DNTN Huỳnh Minh đầu tư và quản lý
12	Chợ Giồng Ông Đông	Ấp Giồng Ông Đông, xã Phú Đông	15	81	X	A149	C161		X		1.411		2020		30	50	1.000	XH hóa	Nâng cấp, cải tạo chợ sân cỏ

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
3	Chợ Phú Hội	Ấp Xóm Hồ, xã Phú Hội	26 28	10 17	X	A150	C162			X	6,798	2016		2017	40	50		DN	Xây dựng mới, thực hiện đi đôn và nếm trong quy hoạch khu dân cư Phú Hội nguồn vốn chưa lĩnh chưa có nhà đầu tư	
14	Chợ Sơm Hà (Vinh Thanh)	Ấp Sơm Hà, xã Vinh Thanh	26	111	X	A144	C163	X			1,355	2017			32	50	5,000	XH hóa	Đầu tư xây dựng mới trên nền chợ cũ, đang được chương trình Lifasap đầu tư một phần khu thực phẩm tươi sống.	
15	Chợ Hòa Bình (Vinh Thanh)	Ấp Hòa Bình, xã Vinh Thanh	1	330, 227, 194, 193	X	A198	C164			X	2,700		2025		75	120	3,000	DN	Cty TNHH TM-DV Gò Cát đầu tư và quản lý	
16	Chợ Đoàn Kết	Ấp Đoàn Kết, xã Vinh Thanh	58	184	X	Chưa MS	C165			X	800	2016			65	100	10,000	DN	Bổ sung quy hoạch	
X	HUYỆN CẨM MỸ				10	10	10	2	0	8		5	5	0						
1	Chợ Sông Ray	Ấp 1, xã Sông Ray	14	106	X	A152	C166	X			16,815	2020	2020		24	692	5,000	DN	Cty TNHH DT - TV - XD Cường Thịnh đầu tư, quản lý; hoạt động không hiệu quả	
2	Chợ Cẩm Mỹ	Ấp Suối Râm, xã Long Giao	6	913	X	A153	C167	X			13,230	2020	2020		57	410	5,000	DN	Cty DT-XD Nhom Thành đầu tư, quản lý; hoạt động không hiệu quả	
3	Chợ Báo Bình	Ấp Tân Báo, xã Báo Bình	14	203	X	A154	C168			X	3,760		2020		138	160	3,000	XH hóa	HTX DVTM-NN Báo Bình quản lý; đã lập hồ sơ dự án, đang triển khai đầu tư xây dựng. Đề nghị hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng	
4	Chợ Xuân Mỹ	Ấp Láng Lớn, xã Xuân Mỹ	6	58	X	A155	C169			X	12,596	2015			135	150	25,000	XH hóa	HTX DVTM-NN Quyết Tiến quản lý; đang tiếp tục triển khai phương án đầu tư xây dựng chợ. Đề nghị hỗ trợ kinh phí xây dựng mới	
5	Chợ Láng Mè	Ấp Láng Mè, xã Xuân Đông	11	353	X	A157	C170			X	4,266	2018			104	110	5,000	XH hóa	Đang triển khai phương án đầu tư xây dựng. Đề nghị hỗ trợ kinh phí xây dựng mới	
6	Chợ Ấp 1 Xuân Tây	Ấp 1, xã Xuân Tây	33	65	X	A159	C171			X	3,600		2018		128	130	2,600	XH hóa	HTX DVTM Xuân Tây quản lý, đã được dự án Lifasap đầu tư xây dựng khu thực phẩm tươi sống, đang xây dựng chợ van minh/văn hóa	
7	Chợ Xuân Báo	Ấp Tân Hạnh, xã Xuân Báo	37	112	X	A162	C172			X	12,200	2015			20	40	1,000	XH hóa	Chợ xã điểm nông thôn mới, đã lập hồ sơ dự án. Đề nghị hỗ trợ kinh phí để xây dựng mới	
8	Chợ Xuân Quê	Ấp 2, xã Xuân Quê	14	646	X	A167	C173			X	3,463	2015			42	50	2,000	XH hóa	Chợ tam, dự án Lifasap chuẩn bị xây dựng khu tươi sống	
9	Chợ Lâm Sơn	Ấp 1, xã Lâm Sơn	15	5	X	A168	C174			X	1,850	2018			50	50	2,000	XH hóa	Đang triển khai phương án đầu tư xây dựng. Đề nghị hỗ trợ kinh phí xây dựng mới	
10	Chợ Nhân Nghĩa	Ấp 3, xã Nhân Nghĩa	20	126	X	A169	C175			X	2,132	2018			104	110	2,000	XH hóa	Đã được dự án Lifasap đầu tư khu kinh doanh thực phẩm tươi sống, hoạt động bình thường	
XI	HUYỆN LONG THÀNH				7	20	20	1	1	3		5	5							
1	Chợ Long Thành	Khu Cầu Xéo, thị trấn Long Thành	27	3330,3333	X	A172	C176	X			15,067	2020	2018		800	1,076	10,000	DN	Cty CP-PT Đô thị CN số 2 (D2D) đầu tư, quản lý	
2	Chợ Phước Thái	Ấp 1C, xã Phước Thái	10	154	X	A174	C177			X	1,931				310	310	1,000	XH hóa		
3	Chợ Lộc An	Ấp Bình Lâm, xã Lộc An	7	432,424, 425,2, 330		A179	C178			X	10,000	2018			100	120	2,000	DN	Đầu tư xây mới trong khu Tái định cư xã Lộc An - Cty D2D	
4	Chợ Ấp 1 Tam An	Ấp 1, xã Tam An	12	188		Chưa MS	C179			X	5,000	2018			100	120	2,000	XH hóa	Đầu tư các hộ dân đang quản lý sử dụng, bổ sung quy hoạch	
5	Chợ Ấp 5 Tam An	Ấp 5, xã Tam An				Chưa MS	C180			X		2016							XH hóa	Đi đôn từ ấp 4 sang vị trí ấp 5
6	Chợ Ấp 6 Tân Hiệp	Ấp 6, xã Tân Hiệp	30	124	X	A182	C181			X	10,000	2015			144	150	2,000	XH hóa	Chợ tam, đang kêu gọi đầu tư xây dựng	
7	Chợ Cẩm Đường	Ấp Cẩm Đường, xã Cẩm Đường	2	544	X	A193	C182			X	2,915	2015			50	120	1,000	XH hóa	Nâng cấp	
8	Chợ Suối Quỳ	Ấp Suối Quỳ, xã Cẩm Đường	2	987	X	A194	C183			X	5,753	2018			70	100	2,000	XH hóa	Đầu tư các hộ dân đang quản lý sử dụng, đang kêu gọi đầu tư xây dựng	
9	Chợ Ấp 2 Bàu Cạn	Ấp 2, xã Bàu Cạn	28	201		Chưa MS	C184			X	900		2015			50	2,000	DN	Bổ sung quy hoạch; Hộ Trần Xuân Cảnh đầu tư, chưa hoạt động.	
10	Chợ Ấp 6 Bàu Cạn	Ấp 6, xã Bàu Cạn	52	58, 59, 60, 61, 62, 63		A192	C185			X	4,600	2019			100	150	2,000	DN	Đất do Cty Tín Nghĩa quản lý (Chưa có chợ)	
11	Chợ Ấp 8 Bàu Cạn	Ấp 8, xã Bàu Cạn	48	38,39,40,41,42, 43,44,45,46,47		Chưa MS	C186			X	922	2019				120	2,000	DN	Đất tư nhân (Chưa có chợ)	
12	Chợ Phước Hòa	Ấp Tập Phước, xã Long Phước	58	106,98,70,71		A195	C187			X	6,000	2016			80	100	2,000	XH hóa	Đi đôn về phố chợ Phước Hòa mới.	
13	Chợ Long Đức (khu phố chợ)	Khu 12, xã Long Đức	3	21		Chưa MS	C188			X	20,000	2016			100	120	2,000	DN	Đất do Cty Cao Su Đồng Nai quản lý, sử dụng; Bổ sung quy hoạch	
14	Chợ Ấp 2 Long An	Ấp 2, xã Long An	12	90		A185	C189			X	2,200	2015			100	120	2,000	XH hóa	Đi đôn về Khu Tái định cư ấp 2, xã Long An	
15	Chợ An Viễn	Ấp An Viễn, xã Bình An	11	247		A183	C190			X	10,000	2015			70	100	2,000	XH hóa	Đi đôn về khu thương mại	
16	Chợ An Bình	Ấp 8, xã An Phước	3	08,205,206	X	A188	C191			X	2,666		2018		130	150	1,000	DN	DN TN Long Thành đầu tư, quản lý	
17	Chợ Ấp 2 Phước Bình	Ấp 2, xã Phước Bình	31	124	X	A186	C192			X	3,000		2018		210	250	1,000	DN	Cty TNHH XD - TM Đồng Hải đầu tư, quản lý	
18	Chợ Ấp 6 Phước Bình	Ấp 6, xã Phước Bình	45	1		A187	C193			X	14,923	2018			80	100	2,000	DN	Đất do của Tổng Cty Công nghiệp-Thực phẩm Đồng Nai quản lý. Hiện trạng: đất trồng trọt	
19	Chợ Ấp 8 Bình Sơn	Ấp 8, xã Bình Sơn	6	5,6		Chưa MS	C194			X	23,000	2019			100	120	2,000	DN	Đất do Cty Cao Su Đồng Nai Quản lý, trong khu Tái định cư	
20	Chợ Ấp 10 Bình Sơn	Ấp 10, xã Bình Sơn	7	462		A184	C195			X	9,700	2015		2016	80	120	2,000	XH hóa	Đất công, đi đôn từ ấp 3 về ấp 10, xã Bình Sơn	
	CỘNG				141	195	195	11	32	152		88	106	25						

7	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
	Chợ Phú Hội	Áp Xóm Hố, xã Phú Hội	26 28	10 17	X	A150	C162		X	X	6,798	2016		2017	40	50		DN	Xây dựng mới, thực hiện đi đôi và năm trong quy hoạch khu dân cư Phú Hội; nguồn vốn chưa tính chưa có đầu tư.	
14	Chợ Sơn Hà (Vinh Thanh)	Áp Sơn Hà, xã Vinh Thanh	26	111	X	A144	C163	X			1,355	2017			32	50	5,000	XH hóa	Đầu tư xây dựng mới trên nền chợ cũ, đang được chương trình Lifesap đầu tư một phần khu thực phẩm tươi sống.	
15	Chợ Hòa Bình (Vinh Thanh)	Áp Hòa Bình, xã Vinh Thanh	1	330, 227, 194, 193	X	A198	C164	X	X	X	2,700	2025	2025		75	120	3,000	DN	Cty TNHH TM-DV Gò Cát đầu tư và quản lý	
16	Chợ Đoàn Kết	Áp Đoàn Kết, xã Vinh Thanh	58	184	X	Chưa MS	C165	X	X	X	800	2016			65	100	10,000	DN	Bổ sung quy hoạch	
X	HUYỆN CẨM MỸ				10	10	10	2	0	8		5	5	0						Cty TNHH DT - TV - XD Cường Thịnh đầu tư, quản lý; hoạt động không hiệu quả
1	Chợ Sông Ray	Áp 1, xã Sông Ray	14	106	X	A152	C166	X			16,815	2020	2020		24	692	5,000	DN	Cty DT - XD Nhơn Thành đầu tư, quản lý; hoạt động không hiệu quả	
2	Chợ Chăm Mỹ	Áp Suối Râm, xã Long Giao	6	913	X	A153	C167	X			13,230	2020	2020		57	410	5,000	DN	HTX DVTM-NN Báo Bình quản lý; đã lập hồ sơ dự án, đang triển khai đầu tư xây dựng. Đề nghị hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng	
3	Chợ Báo Bình	Áp Tân Báo, xã Báo Bình	14	203	X	A154	C168		X	X	3,760	2020	2020		138	160	3,000	XH hóa	HTX DVTM-NN Quyết Tiến quản lý; đang tiếp tục triển khai phương án đầu tư xây dựng chợ. Đề nghị hỗ trợ kinh phí xây dựng mới	
4	Chợ Xuân Mỹ	Áp Lăng Lớn, xã Xuân Mỹ	6	58	X	A155	C169		X	X	12,596	2015	2015		135	150	25,000	XH hóa	Đang triển khai phương án đầu tư xây dựng. Đề nghị hỗ trợ kinh phí xây dựng mới	
5	Chợ Lăng Mè	Áp Lăng Mè, xã Xuân Đông	11	353	X	A157	C170		X	X	4,266	2018	2018		104	110	5,000	XH hóa	Đang triển khai phương án đầu tư xây dựng. Đề nghị hỗ trợ kinh phí xây dựng mới	
6	Chợ Áp 1 Xuân Tây	Áp 1, xã Xuân Tây	33	65	X	A159	C171		X	X	3,600	2018	2018		128	130	2,600	XH hóa	HTX DVTM Xuân Tây quản lý; đã được dự án Lipsap đầu tư xây dựng khu thực phẩm tươi sống, đang xây dựng chợ ven minh/vườn hóa	
7	Chợ Xuân Báo	Áp Tân Hạnh, xã Xuân Báo	37	112	X	A162	C172		X	X	12,200	2015	2015		20	40	1,000	XH hóa	Chợ tạm, dự án Lipsap chuẩn bị xây dựng khu (tươi) sống	
8	Chợ Xuân Quế	Áp 2, xã Xuân Quế	14	646	X	A167	C173		X	X	3,463	2015	2015		42	50	2,000	XH hóa	Chợ tạm, dự án Lipsap chuẩn bị xây dựng khu (tươi) sống	
9	Chợ Lâm Sơn	Áp 1, xã Lâm Sơn	15	5	X	A168	C174		X	X	1,850	2018	2018		50	50	2,000	XH hóa	Đang triển khai phương án đầu tư xây dựng. Đề nghị hỗ trợ kinh phí xây dựng mới	
10	Chợ Nhân Nghĩa	Áp 3, xã Nhân Nghĩa	20	126	X	A169	C175		X	X	2,132	2018	2018		104	110	2,000	XH hóa	Đã được dự án Lipsap đầu tư khu kinh doanh thực phẩm tươi sống, hoạt động bình thường	
XI	HUYỆN LONG THÀNH				7	20	20	1	3	8		5	5							Cty CP-PT Đô thị CN số 2 (D2D) đầu tư, quản lý
1	Chợ Long Thành	Khu Chu Xéo, thị trấn Long Thành	27	330,333	X	A172	C176	X	X	X	15,067	2020	2020		800	1,076	10,000	DN		
2	Chợ Phước Thái	Áp IC, xã Phước Thái	10	154	X	A174	C177		X	X	1,931	2018	2018		310	310	1,000	XH hóa		
3	Chợ Lạc An	Áp Bình Lâm, xã Lạc An	7	432,424, 425,2, 3,30		A179	C178		X	X	10,000	2018	2018		100	120	2,000	DN	Đầu tư xây mới trong khu Thị định cư xã Lạc An - Cty DDD	
4	Chợ Áp 1 Tam An	Áp 1, xã Tam An	12	188		Chưa MS	C179		X	X	5,000	2018	2018		100	120	2,000	XH hóa	Đã của các hộ dân đang quản lý sử dụng, bổ sung quy hoạch	
5	Chợ Áp 5 Tam An	Áp 5, xã Tam An				Chưa MS	C180		X	X		2016	2016					XH hóa	Đi đôi từ áp 4 sang vị trí áp 5	
6	Chợ Áp 6 Tân Hiệp	Áp 6, xã Tân Hiệp	30	124	X	A182	C181		X	X	10,000	2015	2015	2017	144	150	2,000	XH hóa	Chợ tạm, đang k ầu đầu tư xây dựng	
7	Chợ Cẩm Đường	Áp Cẩm Đường, xã Cẩm Đường	2	544	X	A193	C182		X	X	2,915	2015	2015		50	120	1,000	XH hóa	Năng cấp	
8	Chợ Suối Quýt	Áp Suối Quýt, xã Cẩm Đường	2	987	X	A194	C183		X	X	5,753	2018	2018		70	100	2,000	XH hóa	Đã của các hộ dân đang quản lý sử dụng, đang k ầu gọi đầu tư xây dựng	
9	Chợ Áp 2 Bầu Cạn	Áp 2, xã Bầu Cạn	28	201		Chưa MS	C184			X	900	2015	2015			50	2,000	DN	Bổ sung quy hoạch; Hộ Trần Xuân Cảnh đầu tư, chưa hoạt động	
10	Chợ Áp 6 Bầu Cạn	Áp 6, xã Bầu Cạn	52	58, 59, 60, 61, 62, 63		A192	C185		X	X	4,600	2019	2019		100	150	2,000	DN	Đã do Cty Tin Nghĩa quản lý (Chưa có chợ)	
11	Chợ Áp 8 Bầu Cạn	Áp 8, xã Bầu Cạn	48	38,39,40,41,42, 43,44,45,46,47		Chưa MS	C186		X	X	922	2019	2019			120	2,000	DN	Đã tư nhân (Chưa có chợ)	
12	Chợ Phước Hòa	Áp Tập Phước, xã Long Phước	58	106,98,70,71		A195	C187		X	X	6,000	2016	2016	2017	80	100	2,000	XH hóa	Đi đôi về phố chợ Phước Hòa mới	
13	Chợ Long Đức (khu phố chợ)	Khu 12, xã Long Đức	3	21		Chưa MS	C188		X	X	20,000	2016	2016		100	120	2,000	DN	Đã do Cty Cao Su Đồng Nai quản lý, sử dụng; Bổ sung quy hoạch	
14	Chợ Áp 2 Long An	Áp 2, xã Long An	12	90		A185	C189		X	X	2,200	2015	2015	2015	100	120	2,000	XH hóa	Đi đôi về Khu Tài định cư áp 2, xã Long An	
15	Chợ An Viễn	Áp An Viễn, xã Bình An	11	247		A183	C190		X	X	10,000	2015	2015	2016	70	100	2,000	XH hóa	Đi đôi về khu thương mại	
16	Chợ An Bình	Áp 8, xã An Phước	3	08,205,206	X	A188	C191		X	X	2,666	2015	2015	2018	130	150	1,000	DN	DNTN Long Thịnh đầu tư, quản lý	
17	Chợ Áp 2 Phước Bình	Áp 2, xã Phước Bình	31	124	X	A186	C192		X	X	3,000	2018	2018	2018	210	250	1,000	DN	Cty TNHH XD - TM Đồng Hải đầu tư, quản lý	
18	Chợ Áp 6 Phước Bình	Áp 6, xã Phước Bình	45	1		A187	C193		X	X	14,923	2018	2018		80	100	2,000	DN	Đã do của Tổng Cty Công nghiệp-Thực phẩm Đồng Nai quản lý. Hiện trạng: đất trồng tràm	
19	Chợ Áp 8 Bình Sơn	Áp 8, xã Bình Sơn	6	5,6		Chưa MS	C194		X	X	23,000	2019	2019		100	120	2,000	DN	Đã do Cty Cao Su Đồng Nai Quản lý, trong khu Tài định cư Bình Sơn; Bổ sung quy hoạch	
20	Chợ Áp 10 Bình Sơn	Áp 10, xã Bình Sơn	7	462		A184	C195		X	X	9,700	2015	2015	2016	80	120	2,000	XH hóa	Đã công; Di dời từ áp 3 về áp 10, xã Bình Sơn	
	CỘNG				141	195	195	11	32	152		88	106	25						